**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 1**

***Ngày soạn: 01/9/2021***

***Ngày giảng: Thứ hai ngày 06/9/2021***

**Tập đọc**

**DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: *cỏ xước, nhà trò, bự, thâm*,...Biết được ND bài : Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp - bênh vực người yếu.

- Đọc rành mạch, trôi chảy biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài.

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực chung như năng lực tự chủ-tự học : Hoàn thiện nhiệm vụ đọc cá nhân, Năng lực giao tiếp hợp tác : biết lắng nghe giáo viên và thảo luận nhóm, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trả lời được các câu hỏi Gv đưa ra. Ngoài ra còn góp phần hình thành các năng lực đặc thù như sau:

+ Năng lực ngôn ngữ: Đọc đúng, trôi chảy, diễn cảm văn bản; nhấn giọng đứng từ ngữ. Hiểu được nội dung chính của văn bản là Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp - bênh vực người yếu.

+ Năng lực văn học: Biết đọc diễn cảm văn bản đọc, phân biệt giọng các nhân vật Dế Mèn, chị Nhà Trò, người dẫn truyện. Nhận xét được về tính cách các nhân vật (Dế Mèn là người có tấm lòng nghĩa hiệp).

- Góp phần hình thành phẩm chất: nhân ái (Biết bảo vệ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn) Trách nhiệm (có ý thức tự giác khi làm việc nhóm).

\* **GDKNS:** Thể hiện sự cảm thông; xác định giá trị; tự nhận thức về bản thân.

**\* ĐCND**: Không hỏi câu hỏi 4.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS đọc được bài đọc; nghe và hiểu nội dung bài.

- Biết làm việc theo yêu cầu của GV; nêu được tên nhân vật.

- Rèn ý thức tự giác đọc bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Tranh minh họa SGK. Hình ảnh của Dế Mèn, Nhà Trò. Bảng phụ hoặc slide chiếu câu dài, đoạn văn luyện đọc diễn cảm.

**2. Học sinh:** SGK, vở,..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** *(3p)*  \*Khởi động**:** HS cùng hát: Lớp chúng ta đoàn kết  ? Nêu nội dung chính của bài hát ?  \* Kết nối: GV giới thiệu chủ điểm *Thương người như thể thương thân* và bài học | - HS cùng hát.  - HS: Nói về các bạn HS trong lớp rất đoàn kết, yêu thương nhau...  - Quan sát tranh và lắng nghe | HS hát cùng bạn.  Quan sát, lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\*Khám phá**  **a) Hoạt động 1: Luyện đọc** *(8-10p)*  - Gọi 1 HS đọc mẫu.  - Chia đoạn: Bài tập đọc chia làm mấy đoạn ?  - GV yêu cầu HS luyện đọc nối tiếp theo đoạn:  + Luyện đọc lần 1: Luyện phát âm.  - GV ghi bảng những từ cần luyện đọc. HS luyện đọc cá nhân.  + Luyện đọc lần 2 kết hợp luyện đọc câu dài.  + Luyện đọc lần 3: Giải nghĩa từ.  - GV yêu cầu HS luyện đọc theo cặp. Gọi một cặp HS đọc trước lớp.  - GV đọc mẫu toàn bài và lưu ý giọng đọc cho HS: Giọng đọc chậm rãi khi thể hiện sự đáng thương của chị Nhà Trò, giọng dứt khoát, mạnh mẽ khi thể hiện lời nói và hành động của Dế Mèn. | - 1HS đọc bài,cả lớp đọc thầm  - HS: Bài có 4 đoạn:  + Đoạn 1: Hai dòng đầu  + Đoạn 2: Năm dòng tiếp theo.  + Đoạn 3: Năm dòng tiếp theo.  + Đoạn 4: Phần còn lại.  + Hs đọc nối tiếp lần 1 và luyện đọc 1 số từ khó, từ dễ lẫn: *cỏ xước, tỉ tê, nhà trò, tảng đá cuội, lột, ngắn chùn chùn, nức nở,...*  - HS đọc câu dài: Hình như cánh yếu quá, /chưa quen mở,/ mà cho dù có khỏe / cũng chẳng bay được xa.  - Giải nghĩa từ khó (gọi Hs đọc chú giải): Cỏ xước, nhà trò, Bự, Áo thâm, lương ăn, ăn hiếp, mai phục.  - HS luyện đọc cặp và báo cáo kết quả đọc.  - Hs lắng nghe. | HS theo dõi  Khang nêu  Giang nhắc lại.  HS đọc thầm theo  Khang, Giang luyện đọc từ khó.  Theo dõi.  Lắng nghe  Theo dõi bạn đọc  Lắng nghe |
| **b. Hoạt động 2: Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  - Yêu cầu TL các câu hỏi cuối bài.  *+ Dế Mèn gặp Nhà Trò trong hoàn cảnh như thế nào?*  *=>Nội dung đoạn 1?*  *+ Những chi tiết cho thấy chị Nhà Trò rất yếu ớt ?*  *+ Dế Mèn đã thể hiên tình cảm gì khi gặp chị Nhà Trò ?*  *=> Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+Tại sao Nhà Trò bị Nhện ức hiếp?*  *+ Qua lời kể của Nhà Trò chúng ta thấy được điều gì ?*  *+ Trước tình cảnh đáng thương của Nhà Trò, Dế Mèn đã làm gì?*  *+ Những lời nói và cử chỉ nào nói lên tấm lòng nghĩa hiệp của Dế Mèn?*  *=> Lời nói và cử chỉ đó cho thấy Dế Mèn là người như thế nào?*  \* Nêu nội dung bài  - GV tổng kết, nêu nội dung bài | - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Dế Mèn đi qua một vùng cỏ xước thì nghe tiếng khóc tỉ tê, lại gần thì thấy chị Nhà Trò gục đầu khóc bên tảng đảng đá cuội.*  ***1. Hoàn cảnh Dế Mèn gặp Nhà Trò***  *+ Thân hình chị bé nhỏ, gầy yếu .*  *+ Cánh chị mỏng ngắn chùn chùn, quá yếu lại chưa quen mở.*  *+ Dế Mèn thể hiện sự ái ngại, thông cảm đối với chị Nhà Trò.*  ***2. Hình dáng yếu ớt, tội nghiệp của chị Nhà Trò***  *+ Trước đây mẹ Nhà Trò có vay lương ăn của bọn Nhện chưa trả được thì đã chết. Nhà Trò ốm yếu kiếm ăn không đủ. Bọn Nhện đã đánh Nhà Trò, hôm nay chăng tơ ngang đường dọa vặt chân, vặt cánh ăn thịt.*  *+ Thấy tình cảnh đáng thương của Nhà Trò khi bị Nhện ức hiếp.*  *+ Trước tình cảnh ấy, Dế Mèn đã xòe càng và nói với Nhà Trò: Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ*  *với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khoẻ ăn hiếp kẻ yếu.*  *+ Cử chỉ: Phản ứng mạnh mẽ xoà cả hai càng ra, dắt Nhà Trò đi.*  ***3. Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp.***  ***\* Nội dung: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp ,sẵn sàng bênh vực kẻ yếu, xoá bỏ những bất công***  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa | Khang đọc  Suy nghĩ  Giang nhắc lại nội dung đoạn 1.  Khang nêu  HS lắng nghe  Lắng nghe, hiểu  Khang, Giang nhắc lại.  Lắng nghe, hiểu nội dung bài.  Ghi nội dung vào vở |
| **c. Hoạt động 3: Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 2 trong bài.  - GV đọc mẫu, yêu cầu hs nghe và nêu cách đọc cụ thể.  - GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm đôi.  + GV tổ chức cho HS thi đọc trước lớp.  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:4’**  ? Qua câu chuyện, em học tập được điều gì ở Dế Mèn?  ? Em hãy kể một số tấm gương có tấm lòng nghĩa hiệp, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải trong cuộc sống mà em biết?  \* Kết luận: Giáo dục học sinh biết chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn, hoạn nạn và học tập được những đức tính tốt của nhân vật trong bài cũng như những tấm gương tốt trong cuộc sống.  \* ***KNS***: - qua bài học HS biết cách thể hiện sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ những người yếu ớt, khó khăn, hoạn nạn.  **\*Củng cố-dặn dò (1’)**  - GV nhận xét tiết học  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe và nêu cách đọc cụ thể:  - Hs nghe  - HS luyện đọc nhóm đôi.  - HS thi đọc diễn cảm.  - Cần biết bênh vực, bảo vệ bạn của mình khi bị kẻ xấu bắt nạt, lợi dụng,...  - HS nối tiếp kể  - HS lắng nghe, ghi nhớ: biết chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn, hoạn nạn và học tập được những đức tính tốt của nhân vật trong bài cũng như những tấm gương tốt trong cuộc sống.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, thực hiện ở nhà. | Theo dõi  Lắng nghe  Luyện đọc  Theo dõi  Lắng nghe  Theo dõi  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe, thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc, viết được các số đến 100 000. Biết phân tích cấu tạo số.

- Rèn kĩ năng đọc và viết số, phân tích cấu tạo số.

- Môn toán góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và phát triển năng lực chung phù hợp với môn học được quy định trong chương trình tổng thể thì còn hình thành và phát triển các năng lực sau:

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết về điền số thích hợp vào tia số, phân tích cấu tạo số, viết các số thanh tổng... Nêu cách làm và làm được bài tập.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Nêu, trình bày được cách làm bài của mình cho Gv, bạn bè. Tự tin khi trả lời câu hỏi, thảo luận nội dung bài.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Đọc, viết được các số đến 100 000.

- Rèn kĩ năng đọc và viết số.

- HS yêu thích học tập bộ môn.

\* GT: Bài 2 bỏ cột đọc số, yêu cầu HS đọc thành tiếng; bài 3b bỏ dòng cuối.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên:Bảng phụ.

2. Học sinh: sách, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu:4’**  **\* Khởi động:** Tổ chức trò chơi: *Truyền điện*  - GV nêu luật chơi, cách chơi: HS đọc các số tròn trăm từ 100 đến 900  Bắt đầu từ HS đầu tiên sẽ đọc 100 sau đó truyền điện cho một HS khác và HS này phải đọc ngay được số tròn trăm tiếp theo.Nếu đọc đúng sẽ được quyền truyền điện tiếp cho một HS bất kì khác. Cứ làm như thế nếu HS nào đọc sai sẽ bị phạt  - Tổ chức cho HS chơi  - Tổng kết trò chơi  \* Kết nối: GV dẫn vào bài học. | - HS lắng nghe  - HS chơi  - HS lắng nghe | HS lắng nghe  Tham gia chơi |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập:**  **\* Bài 1**: 8’  *a) Viết số thích hợp vào dưới mỗi vạch của tia số:*  *b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm*:  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài, 2 HS làm bài trên bảng.  b) 36 000; 37 000; 38 000; 39 000;  40 000; 41 000.  - Gọi HS đọc và giải thích cách làm bài  - Gọi HS nhận xét bài trên bảng  - Nhận xét, chữa bài  ? Các số trên tia số được gọi là những số gì?  ? Hai số đứng liền nhau trên tia số thì hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?  ? Ở phần b, những số trong dãy số này gọi là những số gì?  ? Hai số đứng liền nhau trong dãy số thì hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?  *\* Kết luận:* - Hai số đứng liền nhau trên tia số thì hơn kém nhau 10 000 đơn vị.  - Trong dãy số trên hai số đứng liền nhau thì hơn kém nhau 1000 đơn vị. | - 1HS nêu yêu cầu  - 2 HS lên bảng làm bài, lớp làm vào vở.  a)   |  | | --- | | 0 10 000 20 000 30 000 40 000 50000 60000 |   - 2 - 3 HS đọc và giải thích cách làm  - Nhận xét bài bạn  - Các số trên tia số được gọi là các số tròn chục nghìn.  - Hai số đứng liền nhau trên tia số thì hơn kém nhau  10 000 đơn vị.  - Những số trong dãy số được gọi là các số tròn nghìn.  - Hai số đứng liền nhau thì hơn kém nhau 1000 đơn vị.  - Lắng nghe. | Khang đọc  Làm bài theo hd.  Theo dõi  Lắng nghe  Lắng nghe. |
| **\* Bài 2**: *Viết theo mẫu:* 8’  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bài 2, hướng dẫn HS đọc, viết và phân tích cấu tạo số 42 571.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập, 1 cặp làm vào bảng phụ  - Gọi HS đọc và giải thích cách làm bài  - Gọi HS nhận xét bài trên bảng  - Nhận xét, chữa bài  ? Nêu cách đọc, viết các số đến 100 000?  ? Nêu cách phân tích cấu tạo các số đến 100 000?  *\* Kết luận:* Khi đọc( viết) các số đến 100 000 ta đọc(viết) từ hàng cao nhất đến hàng thấp nhất. Để phân tích cấu tạo các số ta dựa vào vị trí và giá trị hàng của từng chữ số trong số đó. | - 1 HS nêu yêu cầu, lớp theo dõi  - 1HS đứng tại chỗ thực hiện, lớp theo dõi.  - Thảo luận cặp đôi hoàn thành bài, 1cặp HS làm vào bảng phụ  - 2 - 3 cặp HS đọc bài làm  - Nhận xét bài bạn  - HS nêu | Giang nêu  Theo dõi  TL đôi với bạn  Theo dõi  Lắng nghe  Lắng nghe, ghi nhớ. |
| **\* Bài 3**: 8’  a) Viết mỗi số sau thành tổng  ( theo mẫu)  b) Viết theo mẫu:  - Yêu cầu HS đọc bài mẫu  - Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài, 2 HS làm bài vào bảng phụ  - Gọi HS đọc bài làm  - Nhận xét, chữa bài  ? Em dựa vào đâu để viết mỗi số thành tổng?  *\* Kết luận*: Để viết được các số thành tổng ta dựa vào giá trị của từng chữ số trong số đó. | - 1 HS đọc, lớp theo dõi  - Làm bài cá nhân, 2 HS làm bài vào bảng phụ.  a) 8723= 8000+700+20+3  9171= 9000+100+70+1  3082= 3000+ 80+2  7006= 7000 +6  b) 7000 + 300 + 50+1 = 7351  6000+ 200+30= 6230  6000+ 200+ 3= 6203  5000+ 2 = 5002  - 4 HS nối tiếp đọc bài làm  - Dựa vào giá trị của từng chữ số trong số đó.  - HS lắng nghe | Theo dõi  Làm bài theo HD.  Theo dõi, chữa bài vào vở.  Lắng nghe |
| **Bài 4** : Tính chu vi các hình sau (8’)  *+ Muốn tính chu vi một hình ta làm thế nào?*  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách tính chu vi. | *+ Ta tính độ dài các cạnh của hình đó.*  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ kết quả:  Chu vi hình tứ giác ABCD là:  6 + 4 + 3 + 4 = 17 (cm)  Chu vi hình chữ nhật MNPQ là:  (4 + 8)  2 = 24 (cm)  Chu vi hình vuông GHIK là:  5  4 = 20 (cm)  - Lắng nghe. | Khang, Giang nhắc lại.  Làm bài theo cặp đôi.  Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’)**  Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng  - GV nêu luật chơi, cách chơi: GV treo 2 bảng phụ lên bảng ghi nội dung bài tập. Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 4 HS.Lần lượt từng HS của mỗi đội lên nối tổng với số tương ứng, mỗi HS nối một lần và chạy về truyền tay cho HS tiếp theo lên nối(3’). Đội nào nối nhanh và đúng sẽ thắng cuộc  - Tổ chức cho HS chơi  - Tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc.  *Kết luận*: Qua trò chơi giúp HS rèn khả năng tư duy nhanh để tìm và nối đúng tổng với số tương ứng.  **\* Củng có dặn dò (1’)**  - GV nhận xét lớp học.  - Nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | Nội dung trò chơi:   |  | | --- | | 8000 + 5 |  |  | | --- | | 9000 + 50 + 6 |   4000 + 500 +9  3000 + 70 +4  **4509**  8**005**5  **9056**  **3074**  - HS lắng nghe  - Hs lắng nghe, thực hiện ở nhà. | Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học**

**TIẾT 1: CON NGƯỜI CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết được con người cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống. Nêu được quá trình trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường

- Vẽ được sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

- Góp phần hình thành các năng lực khoa học đặc thù như sau:

+ Năng lực khoa học tìm hiểu tự nhiên: kể tên được những yếu tố mà con người cần để sống. Giải thích được mối quan hệ giữa con người với các điều kiện cần để sống như nước, không khí...

+ Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Keå ñöôïc nhöõng ñieàu kieän veà tinh thaàn caàn cho söï soáng cuûa con ngöôøi nhö söï quan taâm, chaêm soùc, giao tieáp xaõ hoäi, caùc phöông tieän giao thoâng, giaûi trí.

+ Hs có ý thức tự học, tự giác khi làm việc nhóm và ý thức bảo vệ môi trường sống của con người.

**\*Giáo dục BVMT:** Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được con người cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống.

- Hs có ý thức tự học và ý thức bảo vệ môi trường sống của con người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Các hình minh hoạ ở trang 6 / SGK (phóng to nếu có điều kiện); Sơ đồ trao đổi chất còn trống.

2. Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3’)**  \* Khởi động:  ? Theo em một người có thể nhịn thở, ăn, uống trong bao lâu ?  - Gv : Con người có thể nín thở từ 3- 5 phút , nhịn uống từ 3-5 ngày, nhịn ăn từ 8- 21 ngày .. đây là những nhu cầu cơ bản của cơ thể.  \* Kết nối: GV giới thiệu chương trình khoa học, dẫn vào bài.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **\*Khám phá**  **a) Hoạt động 1**: **Con người cần gì để sống? (9’)**  - Chia lớp thành các nhóm 6 HS, yêu cầu các nhóm thảo luận: Con người cần những gì để duy trì sự sống? (5’)  - Gọi đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm.  - Yêu cầu HS bịt mũi và nhịn thở 1 lúc.  ? Em có cảm giác thế nào? Em có thể nhịn thở lâu hơn được nữa không?  ? Nếu nhịn ăn hoặc nhịn uống em sẽ cảm thấy thế nào?  ? Nếu hàng ngày chúng ta không được sự quan tâm của gia đình, bạn bè thì sẽ ra sao?  *\* Kết luận:* Những điều kiện cần để con người sống và phát triển là: Không khí, thức ăn, nước uống, quần áo, nhà cửa, đồ dùng, tình cảm gia đình, bạn bè,làng xóm...  **b) Hoạt động 2**: **Những yếu tố cần cho sự sống mà chỉ có con người cần (10’)**  - Yêu cầu cá nhân HS quan sát các hình từ 1 đến10 trong SGK  ? Con người cần những gì cho cuộc sống hàng ngày của mình?  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm vào phiếu(5’)  - Gọi HS đọc bài làm  - GV hỏi HS:  ? Như mọi sinh vật khác, con người cần gì để duy trì sự sống của mình ?  ? Hơn hẳn những sinh vật khác, cuộc sống của con người còn cần những gì ?  *\* Kết luận*: Con người và động, thực vật đều cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng … để duy trì sự sống của mình.Riêng con người còn cần nhà ở, quần áo, phương tiện giao thông, văn hóa,..  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**: **Trò chơi “Cuộc hành trình đến hành tinh khác” (9’).**  - Bước 1: GV hướng dẫn cách chơi.  - HS sẽ tưởng tượng mình được di chuyển tới các hành tinh khác, nêu các thứ mình cần phải mang theo khi đến hành tinh đó và giải thích tại sao.  Bước 2: Tổ chức cho HS chơi.  Bước 3: Tổng kết trò chơi  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm(4’):**  - Yêu cầu vẽ sơ đồ mối liên hệ giữa con người với các điều kiện sống.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  - Nhận xét, đánh giá.  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nêu ý kiến của cá nhân  - HS lắng nghe.  **-** Các nhóm thảo luận theo nội dung GV yêu cầu, đại diện nhóm báo cáo: Con người cần có không khí để thở, thức ăn, nước uống, cần đi học để hiểu biết, chữa bệnh khi bị ốm, cần có tình cảm với những người xung quanh...  - HS thực hiện nhịn thở theo thời gian GV yêu cầu.  - Em cảm thấy khó chịu và không thể nhịn thở lâu hơn được nữa  - Em cảm thấy đói, khát và mệt.  - Chúng ta sẽ cảm thấy buồn và cô đơn.  - Lắng nghe  - Cá nhân HS quan sát hình SGK  - Con người cần: ăn, uống, thở, xem ti vi, đi học, được chăm sóc khi ốm, có bạn bè, có quần áo để mặc, xe máy, ô tô, tình cảm gia đình...  - Từng cặp HS thảo luận làm bài, đại diện cặp đọc bài, cặp khác theo dõi và nhận xét.  - Cần: không khí, nước, ánh sánh, thức ăn để duy trì sự sống.  - Con người cần: nhà ở, trường học, bệnh viện, tình cảm gia đình, bạn bè, phương tiện giao thông, quần áo...  - Lắng nghe và ghi nhớ  - HS lắng nghe.  - HS nêu đúng và giải thích chính xác được tính 1 điểm  - Tham gia chơi  - Lắng nghe.  - HS thực hành vẽ  - Lắng nghe.  - TH ở nhà. | Theo dõi  Lắng nghe.  TLN cùng bạn.  HS thực hiện  Khang nêu.  Giang nêu  Lắng nghe.  Quan sát  Nêu ý kiến  HS TL theo cặp.  HS theo dõi.  Lắng nghe và ghi nhớ  HS lắng nghe.  Theo dõi bạn chơi  TH theo hướng dẫn.  Lắng nghe.  TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí**

**TIẾT 1: LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

- Biết một số yếu tố của bản đồ: tên bản đồ, phương hướng, kí hiệu bản đồ.

- Hình thành phẩm chất, năng lực chung như năng lực tự chủ; năng lực giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó phát triển năng lực đặc thù như:

+ Năng lực ngôn ngữ: Biết đọc tên bản đồ, các kí hiệu, nội dung và một số yếu tố ghi trên bản đồ.

+ Năng lực thẩm mĩ: Biết quan sát, lựa chọn cách vẽ bản đồ thế nào cho phù hợp với tỉ lệ cho sẵn.

+ Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết một số yếu tố của bản đồ.

- Biết đọc tên bản đồ.

- HS chăm chỉ, chịu khó học tập, yêu thích bộ môn.

**\* GDQPAN:** Giới thiệu Bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, Bản đồ hành chính.

2. Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu (3’):**  **\* Khởi động**  ? Nêu cách để học tốt môn Lịch sử - Địa lí ?  \* Kết nối: GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài.  **2. Hoạt động kình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  **a) Hoạt động 1:** **Tìm hiểu về các loại bản đồ (10’)**  - GV treo các loại bản đồ lên bảng.  - Yêu cầu HS đọc tên các bản đồ trên bảng ?  ? Nêu phạm vi lãnh thổ được thể hiện trên mỗi bản đồ ?  **\* GDQPAN**: GV treo một số bản đồ đã chuẩn bị, trong đó có bản đồ hành chính VN và khẳng định chủ quyền 2 quần đảo HS và TS  *\*Kết luận* **:** Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất theo một tỉ lệ nhất định.  **b) Hoạt động 2:** **Tìm hiểu về cách vẽ bản đồ** **(9’)**  - Yêu cầu HS quan sát hình 1, 2 chỉ vị trí hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn trên từng hình.  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi:  ? Ngày nay muốn vẽ được bản đồ người ta thường làm như thế nào?  ? Tại sao vẽ về VN mà bản đồ hình 3/SGK lại nhỏ hơn bản đồ Địa lí tự nhiên trên tường.  \* Kết luận: GV chốt cách vẽ bản đồ  **c) Hoạt động 3**: **Một số yếu tố của bản đồ (8’)**  - GV yêu cầu HS đọc SGK, quan sát bản đồ thảo luận gợi ý sau:  ? Tên bản đồ cho ta biết điều gì ?  ? Trên bản đồ người ta quy định như thế nào?  ? Tỉ lệ bản đồ cho em biết điều gì?  *\* Kết luận:* Các yếu tố chính của bản đồ: tên bản đồ, phương hướng, kí hiệu bản đồ.  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’):**  - Thực hành xác định các yếu tố của bản đồ:  - GV yêu cầu HS tìm và chỉ các đối tượng GV nêu trên bản đồ  *\* Kết luận:*Gv nhận xét, đánh giá.  \* Củng cố dặn dò:  Nhận xét tiết học, dặn dò nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - 2 HS trả lời, lớp nhận xét  - HS lắng nghe.  - HS quan sát  - 1 - 2 em đọc nội dung bản đồ  - Bản đồ thế giới: thể hiện toàn bộ bề mặt trái đất.  - Bản đồ châu lục: thể hiện một bộ phận của trái đất và các châu lục.  - Bản đồ VN: thể hiện nước VN  - Một vài HS nhắc lại.  - Lắng nghe.  - 1- 2 em chỉ, lớp quan sát.  - Đọc thông tin, trả lời câu hỏi  - Người ta thường dùng ảnh chụp nghiên cứu lại vị trí đối tượng cần thể hiện Tính toán khoảng cách thự tế, thu nhỏ lại chính xác theo tỉ lệ - Lựa chọn kí hiệu và thể hiện trên bản đồ  - Vì hai bảng đồ này vẽ theo tỉ lệ thu nhỏ khác nhau.  - Lắng nghe.  - Đọc thông tin, trao đổi, trả lời câu hỏi  - Cho biết khu vực thông tin thể hiện  - Phía trên Bắc, dưới Nam, phải đông, trái Tây  - Bản đồ nhỏ hơn kích thước thực bao nhiêu.  - Lắng nghe  - HS thực hành nêu các yếu tố của bản đồ trên bản đồ này  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện ở nhà. | Lắng nghe  HS quan sát.  Lắng nghe bạn đọc.  Khang nhắc lại.  Lắng nghe  Quan sát.  Giang đọc.  Lắng nghe.  Khang đọc  Lắng nghe, hiểu.  Lắng nghe.  HS thực hành cùng bạn.  HS lắng nghe và thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: 01/9/2021***

***Ngày giảng: Thứ ba ngày 07/9/2021***

**Luyện từ và câu**

**TIẾT 1: CỦNG CỐ KIẾN THỨC VỀ TIẾNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nắm được cấu tạo cơ bản của đơn vị tiếng trong Tiếng Việt.

- Biết nhận diện các bộ phận của tiếng, từ đó có khái niệm về bộ phận vần của tiếng nói chung và vần trong thơ nói riêng. Giải được câu đố trong SGK.

- Ngoài việc hình thành và phát triển năng lực chung còn phát triển năng lực đặc thù như sau:

+ Năng lực ngôn ngữ: Biết lắng nghe giáo viên, tham gia trò chơi và thảo luận nhóm cùng bạn; làm được các bài tập.

+ Năng lực văn học: Nắm được cấu tạo cơ bản của đơn vị tiếng trong Tiếng Việt; Biết nhận diện các bộ phận của tiếng, từ đó có khái niệm về bộ phận vần của tiếng nói chung và vần trong thơ nói riêng.

- Giáo dục HS phẩm chất chăm học, tinh thần yêu nước, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được cấu tạo cơ bản của đơn vị tiếng trong Tiếng Việt.

- Biết lắng nghe giáo viên và thảo luận nhóm cùng bạn.

- HS ngoan và có ý thức tự giác học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ cấu tạo của tiếng. Bộ chữ cái ghép tiếng.

**2. Học sinh**: SGK, Vở BT Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu(3’):**  \* Khởi động: Trò chơi: Truyền điện.  - Nêu luật chơi, cách chơi: HS đầu tiên nêu tên một loại quả( ví dụ: Bưởi) và đập tay vào HS bên cạnh và HS này phải đánh vần nhanh tiếng đó( bờ-ươi-bươi-hỏi-bưởi).Cứ làm như vậy nếu HS nào đánh vần sai sẽ bị phạt.  - Tổ chức cho HS chơi.  - Tổng kết trò chơi.  \* Kết nối: GV dẫn vào bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (10’):**  **\*Khám phá**  **a. Phần nhận xét**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu làm việc nhóm đôi với các nhiệm vụ sau:  \* Yêu cầu 1: Câu tục ngữ dưới đây gồm bao nhiêu tiếng ?  *Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*.  \*Yêu cầu 2: Đánh vần tiếng bầu.  \* Yêu cầu 3: Phân tích cấu tạo tiếng bầu.  \* Yêu cầu 4: Phân tích cấu tạo của các tiếng còn lại, rút ra nhận xét.  ? Tiếng nào có đủ bộ phận như tiếng bầu?  ? Tiếng nào không có đủ các bộ phận như tiếng bầu?  ? Vậy tiếng có cấu tạo gồm mấy phần?  ? Bộ phận nào bắt buộc phải có trong tiếng, bộ phận nào có thế khuyết ?  *\* Kết luận:* Trong mỗi tiếng, bộ phận vần và thanh bắt buộc phải có mặt. Bộ phận âm đầu có thể có có thể không. Thanh ngang không có dấu khi viết, các thanh khác đều được đánh dấu ở phía trên hoặc phía dưới âm chính của vần.  **b. Ghi nhớ**  - Yêu cầu HS đọc Ghi nhớ  - Yêu cầu lấy VD về tiếng và phân tích cấu tạo của tiếng.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **3.** **Hoạt động thực hành luyện tập(18’):**  **Bài 1:** *Phân tích các bộ phận cấu tạo của tiếng, ghi kết quả phân tích theo mẫu.*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Gọi HS đọc bài làm  - GV chữa bài bảng, nhận xét  ? Tiếng gồm những bộ phận nào?  ? Trong tiếng bộ phận nào không thể thiếu ? Bộ phận nào có thể thiếu ?  \* Kết luận: GV chốt đáp án đúng và chốt kiến thức  **Bài 2:** *Giải câu đố.*  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS trao đổi cặp làm bài  - GV gọi HS trả lời và giải thích.  \* Kết luận: Nhận xét, chốt đáp án đúng *Để nguyên là* ***sao***  *Bớt âm đầu thành* ***ao***  *Đó là chữ* ***sao***  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’):**  - GV chuẩn bị các thẻ có ghi các tiếng, treo 2 bảng nhóm lên bảng  - Nêu luật chơi, cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 5HS. Lần lượt từng HS sẽ chọn thẻ và ghép tiếng vào nhóm tương ứng trên bảng, mỗi tiếng ghép đúng được 10đ, ghép sai trừ 5đ. Đội nào ghép được nhiều và đúng nhất sẽ thắng cuộc.  - Tổ chức cho HS tham gia chơi.  *Kết luận*: GV tổng kết, đánh giá, nhận xét tiết học.  **\* Củng cố dặn dò**  Nhận xét tiết học, dặn dò nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe.  - HS chơi  - HS lắng nghe.  - HS nối tiếp đọc các y/cầu.  - HS làm việc nhóm đôi với các câu hỏi phần nhận xét - Chia sẻ trước lớp  + Câu tục ngữ có 14 tiếng  + B - âu – bâu - huyền - bầu  + Tiếng bầu gồm: âm đầu: b, vần: âu, thanh: huyền  + HS phân tích theo bảng trong VBT  + Các tiếng: thương, lấy, bí, cùng, tuy, rằng, khác, giống, nhưng, chung, một, giàn  + Tiếng: ơi  - HS trả lời: Âm đầu, phần vần, âm cuối và dấu thanh.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại: Trong mỗi tiếng, bộ phận vần và thanh bắt buộc phải có mặt. Bộ phận âm đầu có thể có có thể không. Thanh ngang không có dấu khi viết, các thanh khác đều được đánh dấu ở phía trên hoặc phía dưới âm chính của vần.  - 2HS đọc ghi nhớ.  - HS lấy VD  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu  - 1HS làm bảng phụ, lớp làm VBT   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh | | Nhiễu | nh | iêu | ngã | | Đều | đ | iêu | huyền | |  |  |  |  |   - HS đọc bài làm  - HS nhận xét bài bạn  - HS trả lời: Âm đầu, phần vần, âm cuối và dấu thanh.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu của bài.  - HS trao đổi làm bài theo cặp  - Đại diện trình bày kết quả  - HS chữa bài vào VBT.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe hướng dẫn.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện ở nhà. | HS lắng nghe.  HS chơi  Lắng nghe.  Đọc thầm.  Làm việc nhóm.  Khang nêu  Giang đánh vần.  Theo dõi.  Giang nêu  Theo dõi  Lắng nghe bạn.  Lắng nghe  Khang, Giang đọc  Lắng nghe.  Đọc thầm  Làm theo hướng dẫn.  Theo dõi  Lắng nghe.  Khang đọc  Làm bài theo HD  Theo dõi  Chữa bài vào VBT.  Theo dõi.  Lắng nghe hướng dẫn.  HS tham gia chơi.  Lắng nghe và thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 2:ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số. Biết so sánh, xếp thứ tự (đến 4 số) các số đến 100 000.

- Củng cố kĩ năng tính toán, so sánh và sắp thứ tự các số tự nhiên.

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực sau:

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết,

( thực hiện các bài tập: tính nhẩm, thực hiện phép tính cộng trừ nhân chia, điền dấu ><=, viết các số theo thứ tự từ bé đến lớp và từ lớp đến bé); nêu được cách thức giải quyết vấn đề, thực hiện và trình bày được bài làm của mình vào vở ô ly.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Nêu, trình bày được cách làm bài của mình cho Gv, bạn bè. Tự tin khi trả lời câu hỏi, thảo luận nội dung bài.

- Phát huytínhcẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, ham thích học toán.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số.

- HS ngoan, nghiêm túc học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: bảng phụ.

- HS: PBT, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu *(4’)***  \* Khởi động:  - Trò chơi: Sắp thứ tự  - GV chuẩn bị sẵn các tấm thẻ có ghi các số, yêu cầu HS sắp xếp theo thứ tự từ bé đén lớn (lớn đến bé)  - TK trò chơi, nêu lại cách sắp thứ tự.  \* Kết nối: GV dẫn dắt và bài học. | - HS chơi theo tổ  - HS lên bảng bốc các thẻ và thảo luận  - HS cầm thẻ đứng theo thứ tự quy định  - Tổ nào xếp nhanh, xếp đúng thì thắng cuộc.  - Lắng nghe. | HS chơi theo tổ.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động thực hành** (28p)  **Bài 1**: Tính nhẩm (**8’)**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Gọi HS đọc bài làm  - Nhận xét, chữa bài  ? Em có nhận xét gì về các số đã cho ?  ? Khi thực hiện cộng, trừ, nhân, chia với số tròn nghìn ta làm thế nào ?  *\* Kết luận*: GV củng cố cách thực hiện cộng, trừ, nhân, chia với số tròn nghìn | - 1 HS nêu yêu cầu  - HS tự làm bài vào vở  - Nối tiếp đọc bài làm trước lớp.  - Các số đã cho đều là các số tròn nghìn  - Ta chỉ việc cộng, trừ, nhân  ( chia) các số tự nhiên cho nhau, sau đó thêm số chữ số không tương ứng vào kết quả.  **\* Đáp án:**  7000 + 2000 = 9000  9000 – 3000 = 6000  8000 : 2 = 4000  8000 x 3 =24000  16000:2 = 8000  11000 x 3 = 33000  49000 :7 = 7000 | Khang nêu  Làm bài theo HD  Theo dõi  Chữa bài vào vở. |
| **Bài 2 Đặt tính rồi tính (8’)**  - Gọi HS đọc yêu cầu  ? Bài có mấy yêu cầu?  - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cho nhau, 2 HS làm bài vào bảng phụ  - Gọi HS đọc bài bạn, nhận xét  - Gọi HS nhận xét bài trên bảng phụ  - Nhận xét, chữa bài  ? Nêu cách đặt tính và thực hiện tính các phép cộng ( trừ, nhân, chia) các số có đến 5 chữ số với ( cho) số có một chữ số?  *\* Kết luận:* GV chốt cách cộng ( trừ, nhân, chia) các số có đến 5 chữ số với ( cho) số có một chữ số. | - 1 HS nêu yêu cầu  - Bài có hai yêu cầu: đặt tính và tính  - Làm bài cá nhân, sau đó dổi chéo vở kiểm tra cho nhau, 2 HS làm vào bảng phụ  - 2 - 3 cặp HS đọc bài và nhận xét  - Nhận xét bài bạn    - 4 HS lần lượt nêu  - HS lắng nghe | Giang nêu  Làm bài theo HD  Lắng nghe  Theo dõi  Lắng nghe |
| **Bài 3**: (8’)  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Gọi học sinh đọc bài làm và nêu cách so sánh.  ? Để sắp xếp các số theo đúng thứ tự ta làm thế nào?  \* Kết luận: GV chốt cách sắp xếp thứ tự các số tự nhiên  - Nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân  4327 > 3742 28 676 = 28 676  5870 < 5890 97 321 < 97 400  65 300 > 9530 100 000 > 99 999  - Nối tiếp đọc và nêu cách so sánh:  4327 lớn hơn 3742 vì hai số đều có 4 chữ số, hàng nghìn 4 > 3 nên 4327 > 3742.  - HS nêu.  Lắng nghe | Khang nêu  Làm bài theo HD  Lắng nghe |
| **Bài 4**: Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé. (8’)  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Gọi HS đọc bài làm  ? Vì sao em sắp xếp được như vậy?  ? Để sắp xếp các số theo đúng thứ tự ta làm thế nào?  \* Kết luận: GV chốt cách sắp xếp thứ tự các số tự nhiên | - HS nêu yêu cầu  - 1HS lên bảng, lớp làm vở  - HS đọc bài làm, chữa bài  a)56 731, 65 371, 67 351; 75 631  b)92 678; 82 697; 79 862;62 978  - Vì em lần lượt so sánh các số, sau đó sắp xếp chúng theo thứ tự bài yêu cầu.  - HS nêu  Lắng nghe. | Giang nêu  Làm bài theo HD.  Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’)**  - GV nêu luật chơi, cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, lần lượt từng đội sẽ lựa chọn 1 bông hoa ( mỗi bông hoa tương ứng với 1 câu hỏi trắc nghiệm), thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 30s, sau 30s đội nào giơ tay trước sẽ giành quyền trả lời, trả lời đúng được 20đ, trả lời sai trừ 10đ.  - Tổ chức cho HS chơi  - Tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc  *Kết luận:* Qua trò chơi giúp HS rèn kĩ năng tính toán, tư duy nhanh, sáng tạo.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn học sinh về nhà chuẩn bị bài sau. | - Hs nghe  - HS chơi  1. Số lớn nhất có 4 chữ số là:  A. 9997 B. 9989. C. 9999 D.9998  2. Cho các chữ số: 0; 1; 2; 3. Lập được bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau?  A. 18 B. 20 C. 19 D. 25  3. Biểu thức: 125 x 3 + 6 x 125 + 125 có giá trị là:  A. 1125 B. 1250 C. 1120 D. 1255  4. Số lớn nhất trong các số: 82698; 82687, 82896; 82986  A. 82896 B. 82687 C. 82698 D. 82986  5. Cho năm chữ số 1, 2, 3, 4, 5.Có thể lập được tất cả bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau mà mỗi số chia hết cho 5?  A. 20 B . 22 C. 24 D. 23  - Lắng nghe và thực hiện ở nhà. | Lắng nghe  Tham gia cổ vũ cho bạn.  Lắng nghe và thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**( Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp )**

**Tập đọc**

**TIẾT 2: MẸ ỐM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc rành mạch, trôi chảy: bước đầu đọc được một đoạn thơ lục bát với giọng tình cảm, nhẹ nhàng.

- Hiểu được nghĩa các từ ngữ khó trong bài: Cơi trầu, y sĩ. Hiểu nội dung bài: Tình cảm yêu thương sâu sắc, sự hiếu thảo, lòng biết ơn của bạn nhỏ với người mẹ bị ốm. (trả lời được câu hỏi 1, 2, 3; thuộc ít nhất 1 khổ thơ trong bài).

- Ngoài việc góp phần hình thành và phát triển năng lực chung còn góp phần hình thành các năng lực đặc thù như sau:

+ Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi thảo luận với bạn để tìm hiểu nội dung bài.

+ Năng lực văn học: Nhận biết được đây là văn bản thơ được viết theo thể thơ lục bát. Biết đọc diễn cảm bài thơ. Nhận xét được tình cảm của bạn nhỏ đối với mẹ mình.

- Giáo dục HS biết yêu quý cha mẹ, biết giúp đỡ, chăm sóc cha mẹ khi ốm.

\* Tích hợp KNS: Thể hiện sự thông cảm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS đọc được bài thơ.

- Biết làm việc theo yêu cầu của GV.

**-** HS biết yêu quý cha mẹ, chăm sóc cha mẹ khi ốm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: tranh minh họa bài đọc; bảng phụ ghi nội dung đoạn luyện đọc.

2. Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu: 5’**  \* Khởi động:  - Cho hs hát bài cả nhà thương nhau.  - GV đưa tranh và hỏi:  ? Bức tranh vẽ gì ?  \* Kết nối:  - GV dẫn vào bài học. | - HS hát  - HS quan sát và nêu nội dung tranh.  - Lắng nghe. | HS hát  HS quan sát, nhắc lại ND tranh. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\*Khám phá**  **a) Luyện đọc**: 13’  - Gv gọi hs đọc mẫu | - Hs đọc | Theo dõi |
| - Chia đoạn: Bài tập đọc chia làm mấy khổ thơ ? | - Hs : 7 khổ thơ | Giang nhăc lại |
| - GV yêu cầu HS luyện đọc nối tiếp theo khổ thơ:  + Luyện đọc lần 1: Luyện phát âm.  (Gv ghi bảng những từ cần luyện đọc. HS luyện đọc cá nhân.) | - 7 HS nối tiếp đọc bài theo 7 khổ thơ  - HS đọc nối tiếp lần 1 và luyện đọc từ khó: *lá trầu, lỏng, quanh,...* | Lắng nghe.  Luyện đọc |
| + Luyện đọc lần 2 kết hợp luyện đọc ngắt nhịp câu thơ. | - Hs đọc nối tiếp  - Hs luyện đọc ngắt nhịp câu thơ  Lá trầu / khô giữa cơi trầu  Truyện Kiều/ gấp lại trên đầu bấy nay  Cánh màn /khép lỏng cả ngày  Ruộng vườn/vắng mẹ cuốc cày sớm trưa | Đọc nối tiếp  Luyện đọc theo hướng dẫn của GV. |
| + Luyện đọc lần 3: Giải nghĩa từ | - Hs đọc nối tiếp nối tiếp đọc lần 3 kết hợp giải nghĩa từ  -1 HS đọc chú giải | Khang đọc |
| - Cho HS luyện đọc nối tiếp theo cặp  - Mời đại điện các cặp thi đọc.  (GV nhận xét tuyên dương hs)  - Đọc mẫu, nêu giọng đọc toàn bài. | - Hs luyện đọc theo cặp.  - HS thi đọc  - Hs nghe | Luyện đọc theo cặp.  Lắng nghe. |
| **b) Tìm hiểu bài**: 12’ |  |  |
| ? Bài thơ cho chúng ta biết chuyện gì ? | - Bài thơ cho chúng ta biết chuyện mẹ bạn nhỏ bị ốm, mội người rất quan tâm, lo lắng cho mẹ, nhất là bạn nhỏ. | Nghe, nhắc lại. |
| - Yêu cầu HS đọc thầm hai khổ thơ đầu và trả lời câu hỏi 1 trong SGK. | -Hs đọc | HS đọc |
| ? Em hãy hình dung khi mẹ không bị ốm thì lá trầu, Truyện Kiều, ruộng vườn sẽ thế nào? | - Đọc thầm và trả lời câu hỏi:  Những câu thơ trên muốn nói rằng mẹ bạn nhỏ bị ốm: lá trầu khô giữa cơi trầu vì mẹ ốm không ăn được, truyện Kiều gấp lại vì mẹ không đọc, mẹ mệt phải nằm trên giường nên ruộng vườn vắng mẹ.  - Khi mẹ không bị ốm thì lá trầu xanh mẹ ăn hằng ngày, Truyện Kiều sẽ được mẹ lật mở từng trang để đọc, ruộng vườn sớm trưa sẽ có mẹ làm | Đọc thầm suy nghĩ |
| ? Em hiểu ý nghĩa của cụm từ *lặn* *trong đời mẹ* như thế nào? | - *Lặn trong đời mẹ* có nghĩa là những vất vả nơi đồng ruộng qua ngày tháng đã để lại trong mẹ và bây giờ đã làm mẹ ốm. | Lắng nghe |
| ? Sự quan tâm của cô bác hàng xóm với mẹ bạn nhỏ được thể hiện như thế nào? | - Đọc thầm khổ 3 và trả lời câu hỏi: Sự quan tâm chăm sóc của xóm làng thể hiện qua những câu thơ: *Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm; người cho trứng, người cho cam; Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.* |  |
| ? Những việc làm đó cho em biết điều gì ? | - Những việc làm đó cho thấy tình làng nghĩa xóm thật sâu nặng, đậm đà, đầy nhân ái. | Khang nhắc lại |
| ? Những câu thơ nào bộc lộ tình yêu thương sâu sắc của bạn nhỏ đối với mẹ? Vì sao em cảm nhận được điều đó? | - Tình cảm của bạn nhỏ được thể hiện qua những câu thơ:  + *Nắng mưa từ những ngày xưa*  *Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan*.  Bạn nhỏ thương mẹ đã làm lụng vất vả từ những ngày xưa, những vất vả, nhọc nhằn đó vẫn hằn in trên khuôn mặt mẹ.  *+ Mẹ vui, con có quản gì*  *Quanhđôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn*  Bạn nhỏ không quản ngại, bạn làm tất cả mọi điều để mẹ vui. | Giang nêu lại 1 câu thơ. |
| ? Bài thơ muốn nói với các em điều gì? | \* **Bài thơ thể hiện tình yêu thương sâu sắc, sự hiếu thảo, lòng biết ơn của bạn nhỏ với người mẹ.** | Nghe, hiểu nội dung bài thơ. |
| *\*Kết luận:*Giáo dục các em biết tình yêu của mẹ rất cao cả và là người có ý nghĩa rất lớn đối với các em .  - GV ghi nội dung lên bảng. | - HS lắng nghe. | HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập: Luyện đọc diễn cảm và học thuộc lòng. 7’** |  |  |
| - Gọi 6 HS nối tiếp đọc bài và nêu giọng đọc của từng đoạn. | - 6 HS thực hiện yêu cầu. | Nhắc lại yêu cầu |
| - Hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm 3 khổ thơ cuối.  + Đọc mẫu, yêu cầu HS lắng nghe tìm chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng. | - Lắng nghe, tìm chỗ ngắt nghỉ, nhấn giọng. | Lắng nghe |
| - Gọi HS đọc thể hiện lại.  - Cho HS luyện đọc theo cặp. | - 2 HS đọc thể hiện lại.  - Luyện đọc theo cặp | Luyện |
| - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - Gọi HS nhận xét bạn đọc.  - Nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt. | - 3 - 5 HS thi đọc diễn cảm.  - Nhận xét bạn đọc. | đọc.  Theo dõi |
| - Hướng dẫn HS đọc thuộc lòng từng khổ thơ và cả bài thơ. | - Đọc thuộc lòng theo GV hướng dẫn. | Lắng nghe |
| - Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng từng khổ thơ trước lớp. | - Nối tiếp đọc thuộc lòng từng khổ thơ. |  |
| - Gọi HS đọc thuộc lòng cả bài thơ.  - Nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt  \* Kết luận: Nhận xét, đánh giá chung | - 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ.  - HS lắng nghe. | Theo dõi bạn đọc.  Lắng nghe. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3’)**  ? Em đã làm gì để thể hiện tình yêu thương đối với mẹ ?  *\* Kết luận:* Mẹ đã vất vả nuôi dưỡng và luôn yêu thương chúng ta vì thế các em cần phải bày tỏ tình cảm với mẹ bằng những lời nói, việc làm cụ thể...  **\* KNS:** - Nhắc nhở HS sau bài học cần biết thể hiện sự cảm thông, hiếu thảo với ông bà cha mẹ.  **\*Củng cố dặn dò**:  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà. | Theo dõi bạn.  HS lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: 01/9/2021***

***Ngày giảng: Thứ tư ngày 08/9/2021***

**Tập đọc**

**TIẾT 3. DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU ( TIẾP THEO )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc lưu loát toàn bài, biết ngắt nghỉ đúng, biết thể hiện ngữ điệu phù hợp với cảnh tượng tình huống biến chuyển của truyện( từ hồi hộp, căng thẳng đến hả hê), phù hợp với lời nói và suy nghĩ của nhân vật Dế Mèn( một nghĩa hiệp, lời nói đanh thép, dứt khoát); Đọc rành mạch, trôi chảy; giọng đọc phù hợp tính cách của nhân vật Dế Mèn; Hiểu được ND: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công, bênh vực chị Nhà Trò yếu đuối.

- Chọn được danh hiệu phù hợp với tính cách của Dế Mèn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

- Hình thành và phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo khi tự luyện đọc và tìm hiểu câu trả lời cho các câu hỏi trong bài, đưa ra các ý trả lời hay; Năng lực giao tiếp, hợp tác khi tham gia thảo luận nhóm cùng các bạn tìm hiểu những nội dung kiến thức trong bài đọc; Tôn trọng lẽ phải, biết đấu tranh vì lẽ phải, biết yêu thương giúp đỡ những người xung quanh đặc biệt là tinh thần dũng cảm bảo vệ lẽ phải, bênh vực kẻ yếu

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Đọc được bài tập đọc Dế Mèn bênh vực kẻ yếu (TT).

- Nghe hiểu nội dung của bài.

- Biết yêu thương giúp đỡ những người xung quanh.

**\* Giáo dục kĩ năng sống:**

- Thể hiện sự thông cảm.

- Xác định giá trị.

- Tự nhận thức về bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 15, SGK phóng to; Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc.

**2. Học sinh:** SGK, vở viết, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:**  + Đọc thuộc lòng bài Mẹ ốm.  + Nêu ND bài.  **\* Kết nối**: GV treo tranh hỏi:  ? Nhìn vào bức tranh em hình dung ra cảnh gì ?  Ở phần 1 trong đoạn trích, các em đã biết cuôc gặp gỡ giữa Dế Mèn với chị Nhà Trò. Biết được tình cảnh đáng thương của chị, Dế Mèn đã dắt chị đi gặp bọn nhện. Dế Mèn đã làm gì để giúp đõ Nhà Trò chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay. | - 2 HS thực hiện  - Lắng nghe.  - HS nêu.  - Lắng nghe. | Theo dõi bạn đọc.  Lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Khám phá**  **a. Luyện đọc:** | |  |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: rành mạch, rõ ràng, phân biệt lời nhân vật Dế Mèn: dõng dạc, oai phong  \* Nhấn giọng những từ ngữ miêu tả: *sừng sững, lủng củng, chóp bu, co rúm, béo múp béo míp,....*  - GV chốt vị trí các đoạn:  \*GV: Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) | - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm  - Lắng nghe.  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu.......hung dữ  + Đoạn 2: Tiếp theo.......chày giã gạo  + Đoạn 3: Còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*chung quanh, nhện gộc, lủng củng, chóp bu, chúa trùm, nặc nô, co rúm, dạ ran,..*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | Theo dõi  Lắng nghe.  Đánh dấu đoạn.  Theo dõi bạn đọc.  Luyện đọc  Đọc thầm  Theo dõi  Lắng nghe. |
| **b.Tìm hiểu bài (12’)** | |  |
| - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Trận địa mai phục của bạn nhện đáng sợ như thế nào?*  *+ Chúng giăng trận địa như vậy để làm gì?*  *=> Nội dung đoạn 1?*  *+ Dế Mèn đã làm cách nào để bọn nhện phải sợ?*  *+ Dế Mèn đã nói như thế nào để bọn Nhện nhận ra lẽ phải?*  *+ Bọn Nhện sau đó đã hành động như thế nào?*  *=> Đoạn 2 giúp em hình dung ra cảnh gì?*  *+ Sau lời lẽ đanh thép của Dế Mèn, bọn nhện đã hành động như thế nào?*  *=> Nêu nội dung chính của đoạn?*  *+ Em thấy có thể tặng Dế Mèn danh hiệu nào trong số các danh hiệu Sau đây: võ sĩ, tráng sĩ, hiệp sĩ, dũng sĩ, anh hùng?*  + Nêu nội dung bài | - 1 HS đọc 4 câu hỏi  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bọn Nhện chăng tơ ngang kín đường, sừng sững giữa lối đi trong khe đá......*  *+ Chúng mai phục như vậy để bắt Nhà Trò trả nợ.*  **\* Cảnh mai phục của bọn nhện thật đáng sợ.**  *+ Chủ động hỏi, lời lẽ oai phong…*  *+ Hành động tỏ rõ sức mạnh: Quay phắt lưng, phóng càng đạp phanh phách…*  *+ Phân tích theo cách so sánh và đe doạ chúng.*  *+ Chúng sợ hãi dạ ran , phá dây tơ chăng lối.*  **\* Dế Mèn ra oai với bọn Nhện.**  *+ Chúng sợ hãi dạ ran cuống cuồng chạy, chạy ngang , phá hết các dây tơ chăng lối.*  **\* Dế Mèn giảng giải để bọn nhện nhận ra lẽ phải.**  ***+*** *Dế Mèn xứng đáng nhận danh hiệu hiệp sĩ vì Dế Mèn hành động mạnh mẽ, kiên quyết và hào hiệp ....*  **\* Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công,bênh vực kẻ yếu.**  - HS ghi lại ý nghĩa của bài | Khang, Giang đọc.  Nhắc lại  Khang nhắc lại.  Lắng nghe  Giang nhắc lại.  Lắng nghe  Lắng nghe, hiểu nội dung |
| **c. Luyện đọc diễn cảm (10’)** | |  |
| - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - Gọi các nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - GV nhận xét, đánh giá chung  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** (3’)  + Em học được điều gì từ Dế Mèn?  \* GV kết luận: giáo dục HS học tập thái độ bảo vệ lẽ phải, bảo vệ kẻ yếu của Dế Mèn:  Qua câu chuyện của Dế Mèn ta thấy rằng: Trong c/s con người phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau những lúc khó khăn, không nên bắt nạt kẻ yếu hơn mình. Giúp đỡ người khác trong lúc khó khăn là truyền thống lâu đời của ND ta.  **\* Củng cố- dặn dò: (2’)**  - HS nêu lại nội dung bài tập đọc.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà đọc lại bài và - Khuyến khích các em tìm đọc truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí.* Chuẩn bị bài sau. | - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - HS bình chọn nhóm đọc hay  - Lắng nghe.  - HS nêu  - Lắng nghe và hiểu: Trong c/s con người phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau những lúc khó khăn, không nên bắt nạt kẻ yếu hơn mình. Giúp đỡ người khác trong lúc khó khăn là truyền thống lâu đời của ND ta.  - HS nêu: em học tập được Dế Mèn sự cảm thông, yêu thương, biết bênh vực kẻ yếu.  - VN tìm đọc tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài | Lắng nghe  Đọc thầm  Luyện đọc  Lắng nghe.  Theo dõi.  Lắng nghe và hiểu.  Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 3: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 *(Tiếp theo)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- HS biết tính nhẩm, biết thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với số có một chữ số.

- Biết tính giá trị của biểu thức ; tìm thành phần chưa biết; giải được dạng toán liên quan đến rút về đơn vị

- Góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và phát triển năng lực chung phù hợp với môn học được quy định trong chương trình tổng thể ngoài ra còn hình thành và phát triển các năng lực sau:

+ Năng lực tư duy toán học: Hs phân tích được đề bài, xác định được dạng toán là rút về đơn vị, tìm được cách giải.

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết, ( thực hiện các bài tập: tính nhẩm, thực hiện phép tính cộng trừ nhân chia, tính giá trị biểu thức, tìm thành phần chưa biết trong phép tính, giải toán có lời văn) viết các số theo thứ tự từ bé đến lớp và từ lớp đến bé); nêu được cách làm và trình bày được bài làm của mình vào vở ô ly.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu các thông tin toán học có trong bài học. Nêu, trình bày được cách làm bài của mình cho Gv, bạn bè. Tự tin khi trả lời câu hỏi, thảo luận nội dung bài.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết tính nhẩm, biết thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số.

-Chăm chỉ, nghiêm túc học tập bộ môn.

\* GT: Bài 1 bỏ phần a, bài 3 bỏ phần b.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi nội dung bài tập

2. Học sinh: SGK, vở ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu: 3’**  \*Khởi động: Trò chơi: Truyền điện  - Nêu luật chơi, cách chơi: HS đầu tiên đọc phép tính( 3000 x 3) và truyền điện cho 1HS bất kì, HS đó phải lập tức đọc ngay kết quả.Cứ làm như vậy, nếu HS nào tính sai sẽ bị phạt  - Tổ chức cho HS chơi  \*Kết nối: GV tổng kết trò chơi, dẫn vào bài học | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi | HS lắng nghe  HS tham gia chơi |
| **2. Hoạt động luyện tập**  **Bài 1:** *Tính nhẩm ( 7’)*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự nhẩm và ghi kết quả vào vở.  - Nhận xét, chữa bài  *\* Kết luận*: GV chốt cách nhẩm các số tròn nghìn, tròn chục nghìn | - 1 HS nêu yêu cầu  - HS làm sau đó đọc bài, lớp theo dõi nhận xét.  a) 6000 + 2000 - 4000 = 4000  9000 - ( 7000 - 2000) = 4000  90 000 – 70 000 -20 000 = 0  12 000 : 6 = 2 000  b) 21 000 x 3 = 63 000  9000 – 4000 x 2 = 1000  (9000 - 4000 ) x 2 = 10 000 | Giang nêu  Làm bài theo HD  Lắng nghe  Theo dõi  Lắng nghe |
| **Bài 2:** *Đặt tính rồi tính ( 7’)*  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu cá nhân HS làm bài, 3 HS lên bảng làm bài  -Yêu cầu HS đổi vở kiểm tra  - Gọi HS đọc và nhận xét bài bạn  - Yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, nêu cách đặt tính và tính  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS  *\* Kết luận*: GV chốt cách đặt tính và tính các phép cộng,trừ, nhân, chia các số đến 100 000. | - 1 HS nêu yêu cầu  - 3 HS lên bảng làm, lớp làm vở.    b) đáp án:    59200    2854  56346    21692    21308  43000    52260    4    13065    - Đổi chéo vở kiểm tra cho nhau  - 3HS đọc và nhận xét bài bạn  - HS nêu cách đặt tính, thực hiện tính cộng, tính trừ, tính nhân, tính chia trong bài.  - Lắng nghe | Khang nêu  Làm bài theo HD  Thực hiện theo y/c.  Lắng nghe |
| **Bài 3:** *Tính giá trị của biểu thức*: (7’)  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài theo cặp  - Gọi đại diện cặp đọc bài.  - Nhận xét, chữa bài  ? Trong biểu thức chỉ chứa các phép tính cộng, trừ hoặc chỉ chứa các phép tính nhân, chia ta làm thế nào?  ? Nếu biểu thức có chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta làm thế nào?  ? Trong biểu thức có chứa dấu ngoặc ta làm thế nào?  \* Kết luận: GV chốt các dạng tính giá trị của biểu thức đã học. | - 1 HS nêu yêu cầu  - Các cặp HS thảo luận làm, 2 cặp hs làm bài vào bảng phụ:  a) 3257 + 4659 - 1300 = 7916 – 1300  = 6616  c) 6000 - 1300 x 2 = 6000 - 2600  = 3400  - Đại diện 4 cặp đọc bài  - Nhận xét bài bạn  + Trong biểu thức chỉ chứa các phép tính cộng, trừ hoặc chỉ chứa các phép tính nhân, chia ta thực hiện từ trái sang phải.  + Nếu biểu thức có chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện nhân, chia trước, cộng, trừ sau.  + Trong biểu thức có chứa dấu ngoặc ta thực hiện trong dấu ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.  - Lắng nghe. | Đọc thầm y/c.  Làm bài theo HD.  Theo dõi  Lắng nghe |
| **\* Củng cố dặn dò: (2’)**  - Giáo viên nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà. | Lắng nghe, thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện**

**TIẾT 1. SỰ TÍCH HỒ BA BỂ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nghe - kể lại được từng đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Sự tích hồ Ba Bể (do GV kể)

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể và ca ngợi những con người giàu lòng nhân ái.

- Hình thành và phát triển năng lực

+ Năng lực ngôn ngữ: Kể lại câu chuyện sự tích Hồ Ba Bể diễn cảm theo tranh và các câu hỏi gợi ý cho bạn và thầy cô nghe.

+ Năng lực văn học: Lựa chọn các chi tiết, từ ngữ phù hợp khi kể lại câu chuyện. Nêu được tính cách của các nhân vật.

+ GD học sinh: Biết bảo vệ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Kể được tên nhân vật trong chuyện.

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện.

- Chăm chỉ, ngoan ngoãn học tập.

**\* GD BVMT:** Có ý thức bảo vệ môi trường, khắc phục hậu quả do thiên nhiên (lũ lụt) gây ra.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Tranh minh họa truyện trang 8 phóng to; Giấy khổ to viết sẵn các câu hỏi, để chỗ trống cho HS trả lời; bút dạ.

2. Học sinh: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu(4’):**  **\* Khởi động:**  - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Bức tranh vẽ gì ?  ? Hãy nêu một vài hiểu biết của em về hồ Ba Bể ?  **\* Kết nối**: GV dẫn vào bài học. | - HS quan sát tranh và trả lời:  + Bức tranh vẽ cảnh đẹp Hồ Ba Bể  - Ba Bể là một hồ nước ngọt ở Bắc Kạn, Việt Nam. 1 trong 100 hồ nước ngọt lớn nhất thế giới và nằm trong vườn quốc gia Ba Bể. Hồ gắn liền với một sự tích lịch sử. Đó là sự tích hồ Ba Bể.  - Lắng nghe. | Quan sát  Khang nhắc lại.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15’):**  **\*Khám phá**  - GV kể chuyện lần 1, kết hợp giải nghĩa từ: cầu phúc, Giao Long, làm việc thiện,...  - GV kể lần 2 kết hợp tranh minh họa.  - Dựa theo tranh minh họa, GV đạt câu hỏi để HS nắm được cốt truyện.  ? Bà cụ ăn xin xuất hiện như thế nào?  ? Mọi người đối xử với bà ra sao?  ?Ai cho bà cụ ăn và nghỉ ?  ? Chuyện gì xảy ra trong đêm?  ? Khi chia tay bà cụ dặn mẹ con bà góa điều gì?  ? Trong đêm lễ hội, chuyện gì đã xảy  ra?  ? Mẹ con bà góa đã làm gì?  ? Hồ Ba Bể hình thành như thế nào ?  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (17’)**  - Chia lớp thành 8 nhóm, yêu cầu các nhóm quan sát tranh kể chuyện (6’)  - Gọi đại diện nhóm kể chuyện.  - GV nhận xét.  - Gọi 4 HS kể chuyện  - Gọi 2 HS kể toàn bộ câu chuyện.  - Gọi HS nhận xét bạn kể  - Khen ngợi, tuyên dương HS kể chuyện tốt.  ? Nêu ý nghĩa câu chuyện?  *\* Kết luận:* GV nhận xét, đánh giá liên hệ giáo dục lòng nhân hậu, yêu thương con người, có ý thức bảo vệ môi trường  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’):**  **\*BVMT:** Em đã tham gia những hoạt động nào để góp phần ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lũ?  - Nêu 1 số biện pháp để khắc phục thiên tai bão lũ?  *Kết luận:*Thiên tai lũ lụt gây ảnh  hưởng lớn đến người dân các tỉnh  **\*Củng cố - dặn dò: 1’**  - GV nhận xét tiết học  - Dặn học sinh về nhà học và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe kết hợp với nhìn tranh minh hoạ, đọc phần lời dưới tranh.  - HS lắng nghe.  - Bà không biết từ đâu đến. Trông bà gớm ghiếc, người gầy còm...  - Mọi người đều xua đuổi bà.  - Mẹ con bà góa đưa bà về, lấy cơm cho bà ăn...  - Chỗ bà cụ ăn xin nằm sáng rực lên...  - Bà cụ nói sắp có lụt và đưa cho mẹ con bà góa 2 cái vỏ trấu...  - Cột nước phun lên đất xung quanh lở dần mọi người hoảng chạy.  - Mẹ con bà góa dùng thuyền từ 2 vỏ trấu để cứu vớt những người bị nạn.  - Đất sụp tạo thành Hồ Ba Bể nền nhà của hai mẹ con trở thành đảo trong hồ.  - Các nhóm thảo luận, kể chuyện trong nhóm.  - Đại diện nhóm lần lượt kể.  - Mỗi em kể lại nội dung chuyện theo 4 tranh.  - 2HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  - Lớp nhận xét  + Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể, ca ngợi tấm lòng nhân hậu của con người.  - HS phát biểu  - Hs nêu  - Hs lắng nghe.  - Thực hiện ở nhà. | Lắng nghe.  Theo dõi  Giang nhắc lại.  Khang nêu.  Lắng nghe  Theo dõi  Khang nêu.  Theo dõi  Tham gia TL cùng bạn.  Lắng nghe.  Theo dõi bạn kể.  Lắng nghe  Nghe và hiểu ý nghĩa câu chuyện.  HS nêu.  Lắng nghe.  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

***Ngày soạn: 01/9/2021***

***Ngày giảng: Thứ năm ngày 09/9/2021***

**Luyện từ và câu**

**TIẾT 2 : LUYỆN TẬP VỀ CẤU TẠO CỦA TIẾNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Điền được cấu tạo của tiếng theo ba phần đã học (âm đầu, vần, thanh) theo bảng mẫu ở BT1. Giải được câu đố ở (BT 5).

- Nhận biết được các tiếng có vần giống nhau ở BT2, BT3; nhận biết được các cặp tiếng bắt vần với nhau trong thơ (BT4)

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực chung như năng lực tự chủ-tự học : Hoàn thiện nhiệm vụ làm bài tập cá nhân; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: làm được các bài tập luyện từ và câu. Ngoài ra còn góp phần hình thành các năng lực đặc thù như sau:

+ Năng lực ngôn ngữ: Đọc đúng, trôi chảy yêu cầu của bài và nội dung phần ghi nhớ.

+ Năng lực thẩm mĩ: Biết trình bày đẹp các bài tập theo đúng yêu cầu.

+ Năng lực văn học: Nắm và điền được cấu tạo cơ bản của tiếng theo ba phần đã học (âm đầu, vần, thanh); Nhận biết được các tiếng có vần giống nhau; nhận biết được các cặp tiếng bắt vần với nhau trong thơ.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được cấu tạo cơ bản của đơn vị tiếng trong Tiếng Việt.

- Biết lắng nghe giáo viên và thảo luận nhóm cùng bạn.

- HS ngoan và có ý thức tự giác học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ cấu tạo của tiếng.

2. Học sinh: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu(5’):**  **\* Khởi động:**  ?Nêu cấu tạo của tiếng?  ? Lấy VD và phân tích cấu tạo của tiếng  - GV nhận xét, chốt KT  \* Kết nối: Gv dẫn dắt vào bài học.  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập(25’):**  **\* Bài 1** *: Phân tích cấu tạo của tiếng trong câu tục ngữ...*  - Gọi HS nêu yêu cầu.  - Chia lớp thành các nhóm 6 HS, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành bài tập.  - Gọi các nhóm trình bày kết quả.  - Nhận xét, chữa bài.  ? Tiếng gồm mấy bộ phận ? Là những bộ phận nào ?  *\* Kết luận*: GV chốt cấu tạo của tiếng.  **Bài 2** : *Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong câu tục ngữ trên*.  - Gọi HS nêu yêu cầu  ? Câu tục ngữ được viết theo thể thơ nào ?  ? Trong câu tục ngữ, hai tiếng nào bắt vần với nhau ?  **\* Bài 3** : *Ghi lại cặp tiếng bắt vần với nhau trong khổ thơ sau...*  - Gọi HS đọc khổ thơ.  ? Trong khổ thơ trên những tiếng nào bắt vần với nhau ?  ? Cặp nào có vần giống nhau hoàn toàn ? Cặp nào có vần giống nhau không hoàn toàn ?  *\* Kết luận* : GV chốt đáp án đúng  **Bài 4** : Qua hai bài tập trên, em hiểu thế nào là 2 tiếng bắt vần với nhau ?  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài  \* Kết luận : Hai tiếng bắt vần với nhau là 2 tiếng có phần vần giống nhau - giống nhau hoàn toàn hoặc không hoàn toàn.  **Bài 5** : *Giải câu đố :*  - Gọi HS đọc câu đố  - Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi giải câu đố  - Gọi HS trình bày lời giải  ? Vậy chữ cần tìm là chữ gì ?  *\* Kết luận* : Chốt đáp án đúng  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’) :**  - Tìm những câu ca dao, tục ngữ đã học có các tiếng bắt vần với nhau.  *Kết luận:*Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  - Gv nhận xét tiết học, dặn dò nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - 2HS thực hiện yêu cầu.  - Lớp theo dõi, nhận xét  - HS lắng nghe.  - 1HS nêu y/cầu, lớp theo dõi.  - Hoàn thành bài tập trong nhóm, các nhóm HS làm vào bảng nhóm.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh | | khôn | kh | ôn | ngang | | ngoan | ng | oan | ngang | | đối | đ | ôi | sắc | | đáp | đ | ap | sắc | | người | ng | ươi | huyền | | ngoài | ng | oai | huyền | | gà | g | a | huyền |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh | | cùng | c | ung | huyền | | một | m | ôt | nặng | | mẹ | m | e | nặng | | chớ | ch | ơ | sắc | | hoài | h | oai | huyền | | đá | đ | a | sắc | | nhau | nh | au | ngang |   - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - Tiếng gồm 3 bộ phận là âm đầu, vần và thanh.  - 1 HS nêu yêu cầu  - Câu tục ngữ được viết theo thể thơ lục bát.  - Hai tiếng *ngoài - hoài* bắt vần với nhau, giống nhau cùng có vần *oai.*  - 1 HS đọc khổ thơ, lớp theo dõi.  - Các cặp tiếng bắt vần với nhau là : *choắt - thoắt ; xinh - nghênh.*  - Cặp có vần giống nhau hoàn toàn là : *choắt - thoắt* ; cặp có vần giống nhau không hoàn toàn : *xinh - nghênh.*  *Đáp án*  a) *choắt – thoắt; xinh – nghênh*  b) *choắt – thoắt* (vần: *oắt)*  c) *xinh – nghênh*  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài, trình bày  - Hai tiếng bắt vần với nhau là hai tiếng có phần vần giống nhau hoàn toàn hoặc không hoàn toàn.  - 2HS đọc  - Thảo luận cặp đôi giải câu đố.  - Đại diện 2 cặp trình bày  + Dòng 1 : chữ *bút* bớt đầu thành *út*  + Dòng 2 : đầu đuôi bỏ hết thì chữ *bút* thành *ú.*  + Dòng 3,4 : để nguyên thì chữ đó là chữ *bút.*  - Chữ cần tìm là chữ *bút*  - HS nối tiếp nêu :  + Lá trầu khô giữa cơi trầu  Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay.  + Hỡi cô tát nước bên đàng  Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.  - Lắng nghe  - Lắng nghe và thực hiện ở nhà. | Theo dõi  Lắng nghe  Đọc thầm  TLN cùng bạn.  Theo dõi bạn trình bày.  Giang nhắc lại cấu tạo của tiếng.  Khang đọc  Lắng nghe  Theo dõi  Chữa bài vào vở.  Giang nêu  Lắng nghe hướng dẫn, làm bài.  Khang đọc.  Theo dõi.  Lắng nghe  Theo dõi bạn đọc.  Lắng nghe  TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( nếu có ):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 4: BIỂU THỨC CÓ CHỨA MỘT CHỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Bước đầu nhận biết được biểu thức có chứa một chữ.

- Biết tính giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.

- Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Biết tư duy, quan sát ví dụ và rút ra bài học mỗi lần thay chữ a bằng số thì ta tính được một giá trị của biểu thứ 3+a .

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết, nêu được cách thức giải quyết vấn đề, thực hiện và trình bày được bài làm của mình vào vở ô ly.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu các thông tin toán học có trong bài học. Nêu, trình bày được cách làm bài của mình cho Gv, bạn bè. Tự tin khi trả lời câu hỏi, thảo luận nội dung bài.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Bước đầu nhận biết được biểu thức có chứa một chữ.

- Biết tính giá trị của biểu thức chứa một chữ đơn giản khi thay chữ bằng số.

- Ngoan ngoãn, nghiêm túc học bài.

**\* GT**: Bài 3b chỉ tính giá trị với hai trường hợp của n.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Thải ra

Lấy vào

1. Giáo viên: Vẽ sẵn bảng ở phần ví dụ (để trống số ở các cột). Bảng phụ ghi nội dung bài 2.

2. Học sinh: SGK, vở ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  **\* Khởi động:**  *Trò chơi : Ai nhanh, ai đúng*  Tính nhẩm:  6000 + 2000 - 4000 =  2000 + 8000 - 5000 =  40 000 + 20 000 - 5000 =  30000 – 6000 – 4000 + 10000 =  - GV nêu luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 3HS lần lượt lên nhẩm và điền nhanh kết quả các phép tính vào bảng nhóm.Đội nào điền nhanh và đúng nhất sữ thắng cuộc  - Cho hs tham gia chơi  - Tổng kết trò chơi  \* Kết nối:GV dẫn vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - Hs tham gia chơi.  - HS lắng nghe. | HS lắng nghe  Hs tham gia chơi |
| **3. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **\*Khám phá**  ***a. Giới thiệu biểu thức có chứa một chữ: 7’***  - GV yêu cầu HS đọc ví dụ.  ? Muốn biết bạn có tất cả bao nhiêu quyển vở ta làm như thế nào ?  - Treo bảng số như phần bài học SGK ? Nếu mẹ cho Lan thêm 1 quyển vở thì bạn Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở?  - Nghe HS trả lời và viết 1 vào cột Thêm, viết 3 + 1 vào cột Có tất cả.  - Làm tương tự với các trường hợp thêm 2, 3, 4, … quyển vở.  - Lan có 3 quyển vở, nếu mẹ cho Lan thêm a quyển vở thì Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở?  - GV giới thiệu: 3 + a được gọi là biểu thức có chứa một chữ.  - GV có thể yêu cầu HS nhận xét để thấy biểu thức có chứa một chữ gồm số, dấu tính và một chữ. | - HS đọc ví dụ  - Ta thực hiện phép tính cộng số vở Lan có ban đầu với số vở bạn cho thêm.  - Lan có tất cả 3 + 1 quyển vở  - HS nêu số vở có tất cả trong từng trường hợp.  - Lan có tất cả 3 + a quyển vở  - HS nhắc lại : 3 + a được gọi là biểu thức có chứa một chữ. | Khang đọc  Theo dõi.  Giang nhắc lại  Lắng nghe  Khang nhắc lại. |
| **b. *Giá trị của biểu thức có chứa một chữ 5’***  ? Nếu a = 1 thì 3 + a = ?  - GV nêu: Khi đó ta nói 4 là một giá trị của biểu thức 3 + a.  - GV làm tương tự với a = 2, 3, 4, ...  ? Khi biết một giá trị cụ thể của a, muốn tính giá trị của biểu thức 3 + a ta làm như thế nào ?  ? Mỗi lần thay chữ a bằng số ta tính được gì ?  \* Kết luận: GV chốt kiến thức về biểu thức có chứa một chữ | - HS: Nếu a = 1 thì 3 + a = 3 + 1 = 4  - HS tìm giá trị của biểu thức  3 + a trong từng trường hợp  a = 2, 3, 4...  - Ta thay giá trị của a vào biểu thức rồi thực hiện tính.  - Mỗi lần thay chữ a bằng số ta tính được một giá trị của biểu thức 3 +a | Lắng nghe  HS suy nghĩ.  Nghe và hiểu  Lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành:**  **Bài 1(7’):** *Tính giá trị của biểu thức*  ? Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?  - GV ghi : 12 + a  ? Nếu a = 5 thì 12 + a bằng bao nhiêu ?  ? Vậy giá trị của biểu thức 12 + a với a = 5 là bao nhiêu ?  - Tương tự yêu cầu HS tự làm các phần còn lại của bài.  ? Giá trị của biểu thức 65 + a với a = 10 là bao nhiêu ?  ? Giá trị của biểu thức 185 - b với b = 7 là bao nhiêu ?  ? 65 + a, 185 – b ... được gọi là gì | - 1 HS nêu yêu cầu  - HS đọc.  - Nếu a = 5 thì 12 + a bằng 12 + 5 = 17  - Giá trị của biểu thức 12 + a với a = 5 là 17  - HS làm các phần còn lại, đọc bài.  - Giá trị của biểu thức 65 + a với a = 10 là 75  - Giá trị của biểu thức 185 - b với b = 7 là 178  - Gọi là biểu thức có chứa một chữ | Khang nêu  Lắng nghe.  Thực hiện theo yêu cầu.  Theo dõi  Lắng nghe. |
| \* **Bài 2 (7’)** *Viết vào ô trống (theo mẫu).*  - Gọi HS nêu yêu cầu  ? Dòng thứ nhất cho em biết điều gì ?  ? Dòng thứ hai cho em biết điều gì ?  ? *x* có những giá trị cụ thể nào ?  ? *y* có những giá trị cụ thể nào ?  ? Khi *x* = 8 thì 125 + *x* = ?  - Yêu cầu HS hoàn thành các phần còn lại, 2 HS làm vào bảng phụ  - Gọi HS nhận xét bài bạn  - Nhận xét, chốt bài  ? Làm thế nào để tính được giá trị của biểu thức 125 + *x* ? | - Viết vào ô trống (theo mẫu).  - Dòng thứ nhất cho em biết giá trị cụ thể của *x và y*  - Dòng thứ hai cho biết giá trị của biểu thức 125 + *x và y - 20*  - *x* có các giá trị: 8, 30, 100  - *y* có các giá trị : 200, 960, 1350  - Khi *x* = 8 thì 125 + *x* = 125 + 8 = 133  - 2 HS làm bài vào bảng phụ, lớp làm bài vào vở   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | x | 8 | 30 | 100 | | 125+ *x* | 133 | 155 | 225 |   - Nhận xét bài bạn  - Ta lần lượt thay chữ *x* bằng số tương ứng, mỗi lần thay chữ x bằng số tương ứng ta tính được giá trị của biểu thức 125 + *x* | Giang nêu  Lắng nghe  HS làm bài theo hướng dẫn.  Lắng nghe. |
| **\* Bài 3***:* Tính giá trị của biểu thức: 7’  ? Bài yêu cầu tính giá trị của những biểu thức nào?  ? m có những giá trị nào?  ? n có những giá trị nào?  - Yêu cầu HS làm bài, 2 HS làm vào bảng phụ  - Gọi HS đọc bài làm  - Gọi HS nhận xét bài bạn  -Nhận xét, chốt bài  ? Để tính được giá trị của biểu thức và 873 - n ta làm thế nào?  *\* Kết luận:* Chốt cách tính giá trị biểu thức chứa một chữ | - 1 HS nêu yêu cầu  - Bài yêu cầu tính giá trị của biểu thức 250 +m và 873 – n  - m có các giá trị lần lượt là 10,0,80,30  - n có các giá trị lần lượt là 10, 0  - 2 HS làm bài vào bảng phụ, lớp làm bài vào vở.  a) 250 + m  Với m=10 thì 250 + m= 250 +10 = 260  Với m= 0 thì 250 + m= 250 +0 = 250  Với m= 80 thì 250 + m= 250 +80 = 330  Với m= 30 thì 250 + m= 250 +30 = 280  b) 873 - n  + Với n = 10 thì 873 - n = 873 - 10 = 863  + Với n = 0 thì 873 –n = 873 -0 =873 ...  - Nối tiếp đọc bài làm  - HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - Ta lần lượt thay chữ m và n bằng số tương ứng, mỗi lần thay chữ bằng số ta tính được một giá trị của biểu thức 873 – n  - Lắng nghe. | Giang nêu  Khang nhắc lại  Làm bài theo HD.  Theo dõi.  Lắng nghe. |
| **\*Củng cố dặn dò( 1’)**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - HS thực hiện ở nhà. | HS thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn**

**TIẾT 1: THẾ NÀO LÀ KỂ CHUYỆN ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Hiểu được đặc điểm cơ bản của văn kể chuyện (ND ghi nhớ).

- Bước đầu biết kể lại một câu chuyện ngắn có đầu có cuối, liên quan đến 1, 2 nhân vật và nói lên được một điều có ý nghĩa (mục III).

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực đặc thù sau:

+ NL ngôn ngữ: Kể lại được câu chuyện sự tích Hồ Ba Bể và 1 câu chuyện theo yêu cầu của GV. Trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện và nội dung bài học. Nhận xét đánh giá đúng lời bạn kể; kể tiếp lời bạn.

+ NL văn học: Nhận biết được thế nào là văn kể chuyện. Nêu được các nhân vật trong truyện và ý nghĩa của truyện.

- HS biết bảo vệ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS trả lời một số câu hỏi đơn giản về câu chuyện.

- Biết làm việc theo yêu cầu của GV.

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Giấy khổ to và bút dạ.

2. Học sinh: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (4’):**  \* Khởi động:  ? Nêu các bài tập đọc là truyện kể mà em đã học.  - GVnhận xét  \* Kết nối: Dẫn dắt vào bài học  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15’):**  **\*Khám phá**  **a) Nhận xét**  **Bài 1:**Gọi HS đọc đề bài  - Gọi HS kể lại toàn bộ câu chuyện Sự tích Hồ Ba Bể.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4.  ? Nêu tên các nhân vật ?  ? Các sự việc chính?  ? Ý nghĩa của câu chuyện ?  - GV chốt ý.  **Bài 2:**Gọi HS đọc đề bài  ? Bài văn có nhân vật không?  ? Bài văn có kể những sự việc xảy ra đối với nhân vật không?  **Bài 3**: Thế nào là văn kể chuyện ?  - Kết luận: Kể chuyện là kể lại một chuỗi sự việc, có đầu có cuối, liên quan đến một số nhân vật. Mỗi câu chuyện phải nói lên được một điều có ý nghĩa.  **b) Ghi nhớ**  -Gọi HS đọc phần ghi nhớ  -Yêu cầu HS lấy ví dụ về các câu chuyện để minh họa cho nội dung này.  **3. Hoạt động luyện tập(16’):**  **\* Bài 1:** *Trên đường đi học về...*  - Gọi HS đọc đề bài.  ? Xác định các nhân vật trong chuyện ?  - GV hướng dẫn kể: Truyện cần nói sự giúp đỡ của em đối với người phụ nữ, khi kể xưng tôi hoặc em.  - Yêu cầu HS làm bài  - Tổ chức cho HS thi kể trước lớp  - Nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 2:**Gọi HS đọc đề bài  ? Nêu những nhân vật trong câu chuyện của em ?  ? Nêu ý nghĩa của chuyện?  *\* Kết luận*: Trong cuộc sống cần quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Đó là ý nghĩa của câu chuyện các em vừa kể.  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: 3’**  Hãy kể lại một lần em đã từng giúp đỡ người khác  *Kết luận:* Gv nhận xét, đánh giá cốt truyện, tuyên dương Hs biết giúp đỡ người khác.  **\*Củng cố dặn dò (1’)**  -Gv nhận xét tiết học.  -Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nêu  - HS trả lời: Sự tích hồ Ba Bể.  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 hs kể chuyện " Sự tích Hồ Ba Bể ".  - HS làm việc nhóm 4. Đại diện nhóm chia sẻ kết quả.  + Các nhân vật: Bà cụ ăn xin, 2 mẹ con người nông dân, những người dự lễ hội  + Các sự việc chính:  - Sự việc 1: Bà cụ đến lễ hội xin ăn, không ai cho  - Sự việc 2: Bà cụ gặp mẹ con bà nông dân. Hai mẹ con cho bà và ngủ trong nhà mình  - Sự việc 3: Đêm khuya. Bà hiện hình một con giao long lớn ....  - Sự việc 4: Sáng sớm bà lão ra đi , cho hai mẹ con gói tro và hai mảnh vỏ trấu rồi ra đi  - Sự việc 5: Trong đêm lễ hội, dòng nước phun lên tất cả đều chìm nghỉm  - Sự việc 6: Nước lụt dâng lên, mẹ con bà nông dân chèo thuyền cứu người  + Ý nghĩa câu chuyện Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể. Truyện còn ca ngợi những con người có lòng nhân ái, sẵn lòng giúp đỡ mọi người. Những người có lòng nhân ái sẽ được đền đáp xứng đáng.  - Hs đọc đề bài.  + Không có nhân vật  + Không. Chỉ có những chi tiết giới thiệu về hồ Ba Bể.  - HS trả lời  - HS lắng nghe.  - 2 hs nêu ghi nhớ.  - HS nêu ví dụ.  - 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu của bài  - 3 đến 5 HS trả lời : Câu chuyện em vừa kể có những nhân vật : em và người phụ nữ có con nhỏ.  - Hs nói trước lớp về nội dung câu chuyện: Câu chuyện nói về sự giúp đỡ của em đối với người phụ nữ. Sự giúp đỡ ấy tuy nhỏ bé nhưng rất đúng lúc, thiết thực vì cô đang mang nặng.  - Hs viết vào vở  - Hs thi kể trước lớp.  - Lắng nghe.  - Hs đọc đề bài.  + Em và 2 mẹ con người phụ nữ.  + Quan tâm giúp đỡ nhau là một nếp sống đẹp.  - HS kể theo nhóm 4 - chia sẻ trước lớp.  - Lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện ở nhà. | Lắng nghe.  Khang đọc  Lắng nghe  TH cùng bạn.  Giang kể tên nhân vật.  Theo dõi.  Lắng nghe, hiểu nội dung.  Theo dõi  Khang, Giang nhắc lại.  Lắng nghe.  Theo dõi  HS Khang, Giang nêu.  Lắng nghe.  Thực hiện theo hướng dẫn.  Lắng nghe.  Lắng nghe, ghi nhớ.  Kể theo nhóm cùng bạn.  HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả ( Nghe – viết )**

**TIẾT 1. DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nghe - viết và trình bày đúng bài chính tả theo hình thức đoạn văn xuôi; không mắc quá 5 lỗi trong bài. Làm đúng bài tập chính tả 2a phân biệt l/n. BT 3a giải câu đố

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng.

- Hình thành các năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ: Đọc đúng, trôi chảy đoạn trích cần viết từ “Một hôm…vẫn khóc”.

+ Năng lực thẩm mĩ: Biết quan sát và viết đúng các nét chữ, trình bày đẹp bài chính tả.

+ Năng lực văn học: Nhận biết được nội dung chính của đoạn trích: Cho biết hoàn cảnh Dế Mèn gặp chị Nhà Trò, hình dáng yếu ớt, đáng thương của chị Nhà Trò. Phân biệt được l/n, tìm đúng các tên vật chứa tiếng bắt đầu bằng l/n.

- Góp phần hình thành phẩm chất:

+ Nhân ái: Biết bảo vệ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

+ Trách nhiệm : có ý thức tự giác, tích cực khi làm việc nhóm (Bt2). Rèn tính cẩn thận khi viết chữ.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Nghe viết đúng chính tả, trình bày tương đối đúng một đoạn trong bài: “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”

- Biết làm việc theo yêu cầu của GV.

- Chăm chỉ viết bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Giấy khổ to + bút dạ. Bài tập 2a, 3a viết sẵn. Bảng nhóm cho hs làm bài tập.

2. Học sinh: Vở, bút,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đâu:** *(3p)*  \*Khởi động: Tổ chức cho hs chơi trò chơi.  + Trò chơi: Ai nhanh, Ai đúng  Điền tiếp vào chỗ chấm: g hay gh  .....ế ....ỗ, ...i nhớ, .....ập .....ềnh, bàn ...ế  - Nêu luật chơi, cách chơi: Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 3HS. Lần lượt từng HS của mỗi đội lên điền nhanh g/gh vào chỗ chấm trên bảng nhóm. Đội nào điền nhanh và đúng nhất sẽ thắng cuộc  - Tổ chức cho HS chơi  - Gv nhận xét, tuyên dương  \* Kết nối: GV dẫn vào bài học. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe | HS lắng nghe  - HS tham gia chơi. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **\*Khám phá**  - Gọi HS đọc bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Đoạn văn kể về điều gì ?*  - Yêu cầu phát hiện những chữ dễ viết sai ?  - GV đọc từ khó  *+ Lưu ý gì khi trình bày đoạn văn?* | - 2 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *+ Đoạn viết cho biết hoàn cảnh Dế Mèn gặp Nhà Trò, hình dáng yếu ớt, đáng thương của Nhà Trò.*  *- cỏ xước, tỉ tê, tảng đá, bự, chùn chùn,...*  - Hs viết bảng con từ khó.  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần  *+ Chữ đầu tiên lùi 1 ô và viết hoa.* | Theo dõi  TL cùng bạn.  Lắng nghe  Khang, Giang nêu.  Luyện viết từ khó.  Lắng nghe. |
| **2.Hoạt động luyện tập thực hành.**  **a) Viết chính tả**  - GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết.  - Đọc cho HS viết với tốc độ vừa phải. Mỗi câu hoặc cụm từ đọc 2 đến 3 lần: đọc lượt đầu chậm rãi cho HS nghe, đọc nhắc lại 1 hoặc 2 lần cho HS kịp viết với tốc độ quy định.  *\* Kết luận* : GV nhận xét tư thế ngồi viết, cách trình bày đoạn viết. | - Lắng nghe, thực hiện.  - HS nghe - viết bài vào vở | Lắng nghe.  Nghe, viết bài vào vở. |
| **b) Đánh giá và nhận xét bài:**  **( 5’)**  - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | TH yêu cầu  Soát bài theo cặp. |
| **c) Làm bài tập chính tả 7’**  **Bài 2a**: Điền vào chỗ trống l/n  - Gọi hs đọc đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét. | - Thảo luận cặp đôi – Chia sẻ cặp đôi – Lớp  Đáp án : lẫn- nở-nang-lẳn-nịch-lông-lòa-làm  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh. | TL cùng bạn.  Lắng nghe. |
| **Bài 3a:** Viết lời giải đố  -Gọi 1 HS đọc yêu cầu  -Yêu cầu HS tự giải câu đố và viết vào vở nháp, giơ tay báo hiệu khi xong  - Gọi 2 HS đọc câu đố và lời giải.  - Nhận xét về lời giải đúng.  - Giới thiệu qua về cái la bàn  b. Tiến hành tương tự phần a | - 1 HS đọc yêu cầu: Giải các câu đố  - HS suy nghĩ làm bài, giải câu đố  - Lời giải : cái la bàn.  - 2 HS thực hiện đọc.  - Lắng nghe  - Lời giải : Hoa ban | Khang đọc  Lắng nghe.  Giang nhắc lại. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm :2’**  - Yêu cầu HS tìm và viết 5 tiếng, từ chứa phụ âm đầu l/n.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  - Gv nhận xét tiết học  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tìm và trình bày kết quả  - Hs lắng nghe | Tự tìm.  Hs lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học**

**TIẾT 2 : TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nêu được những chất lấy vào và thải ra trong quá trình sống hàng ngày của cơ thể con người; Nêu được quá trình trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường; Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường

- Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường và trình bày sự trao đổi chất theo sơ đồ.

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực chung như năng lực tự chủ-tự học: Hoàn thiện nhiệm vụ đọc cá nhân, năng lực giao tiếp hợp tác: biết lắng nghe giáo viên và thảo luận nhóm, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trả lời được các câu hỏi Gv đưa ra. Ngoài ra còn góp phần hình thành các năng lực đặc thù như sau:

+ Năng lực khoa học: Nêu được những gì cơ thể lấy vào và thải ra trong quá trình sống. Nhận biết qua trình trao đổi chất giữa cơ thể con người và môi trường.

+ Phẩm chất :Chăm học (có ý thức tự học), trách nhiệm (có ý thức làm việc nhóm, ý thức bảo vệ môi trường sống của con người)

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Nêu được những chất lấy vào và thải ra trong quá trình sống hàng ngày của

cơ thể con người.

- Hoàn thiện nhiệm vụ đọc cá nhân.

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

**\* GD BVMT:** Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Thải ra

Lấy vào

1. Giáo viên: Các hình minh hoạ ở T6/SGK ( phóng to nếu có điều kiện) Sơ

đồ trao đổi chất còn trống.

1. Học sinh: SGK, bút dạ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’):**  \*Khởi động: Trò chơi: Chuyền hoa.  - GV **chuẩn bị:**Một bông hoa hồng, câu hỏi và phần quà  - Nêu luật chơi, cách chơi: Người quản trò sẽ bắt nhịp một bài hát, cả lớp sẽ cùng hát theo và cùng chuyền bông hoa đi.Khi bài hát kết thúc, học sinh nào cầm bông hoa trên tay thì sẽ trả lời câu hỏi được giấu trong bông hoa  (VD: ?Con người cần gì để sống?) Nếu trả lời đúng sẽ nhận được quà Nếu trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho học sinh nào xung phong  - Tổ chức cho HS chơi  - Tổng kết trò chơi  \*Kết nối: GV dẫn vào bài học  **2. Hoạt động khám phá:**  **a)Hoạt động 1**: **Tìm hiểu trong quá trình sống con người lấy gì và thải ra những gì? (10’)**  - Yêu cầu HS quan sát và trao đổi theo cặp: Kể tên những gì được vẽ trong hình 1 trang 6 SGK .  ? Những thứ đó có vai trò như thế nào trong đời sống con người ?  ? Yêu tố nào cần cho đời sống con người mà không thể hiện qua hình vẽ được ?  ? Vậy tìm xem cơ thể con người lấy những gì và thải ra những gì trong quá trình sống ?  - GV nhận xét, và gọi HS đọc đoạn đầu trong mục bạn cần biết.  ? Trao đổi chất là gì ?  ? Nêu vai trò của trao đổi chất đối với con người thực vật, động vật ?  \* Kết luận : GV nhận xét kết luận chung.  **b) Hoạt động 2**: **Trò chơi “ghép chữ vào sơ đồ” (10’)**  - Yêu cầu các nhóm HS thảo luận về sơ đồ trao đổi chất giữa cơ thể người và môi trường.  - Gọi đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  \* Kết luận : GV chốt sơ đồ hoàn chỉnh sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**:**Thực hành vẽ sơ đồ sự trao đổi chất với môi trường (10’)**  \* Bước 1 : làm việc theo nhóm  - GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.  \* Bước 2: Trình bày sản phẩm .  \* Kết luận : GV nhận xét sản phẩm của các nhóm  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’) :**  ? Em cần làm gì để có sức khoẻ tốt ?  Giữa con người và môi trường diễn ra quá trình trao đổi chất với nhau. Vậy em đã làm gì để góp phần bảo vệ môi trường ?  *\* Kết luận :* Giáo dục HS có ý thức bảo vệ, giữ gìn sức khoẻ bản thân ; bảo vệ môi trường.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  *-* Nhận xét, đánh giá  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh trả lời:  Ánh sáng, nước, thức ăn, gà, lợn, vịt, cải...  - Có vai trò rất quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống của con người.  - Đó là không khí  - Lấy: thức ăn, nước uống, không khí.  - Thải: phân, nước tiểu, mồi hôi… là những chất cặn bã.  - 2HS đọc.  - Là quá trình lấy thức ăn nước uống từ môi trường và thải ra môi trường những chất cặn bã.  - Có trao đổi chất mới sống và phát triển được.  - Thảo luận và hoàn thành sơ đồ.  - Cơ thể chúng ta hằng ngày lấy vào thức ăn, nước uống, không khí và thải ra phân, nước tiêu và khí các-bô-nic...  - HS hiểu sơ đồ sự trao đổi chất và vẽ sau đó mở SGK quan sát hình 2 trang 7  - Nhóm làm việc  - Từng nhóm lên trình bày kết quả làm việc, các HS khác nhận xét.  - HS phát biểu  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe | HS lắng nghe.  HS tham gia chơi  - HS lắng nghe  HS quan sát tranh trả lời.  HS nêu.  Khang nhắc lại.  Giang nhắc lại.  Khang, Giang nhắc lại.  Lắng nghe.  Thực hiện theo yêu cầu.  Theo dõi  HS quan sát sơ đồ  TLN cùng bạn.  Khang nêu  HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: 01/9/2021***

***Ngày giảng: Thứ sáu ngày 10/9/2021***

**Tập làm văn**

**TIẾT 2: NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Bước đầu hiểu thế nào là nhân vật (ND ghi nhớ).

- Nhận biết được tính cách của từng người cháu (qua lời nhận xét của bà) trong câu chuyện *Ba anh em* ( BT1, mục III).

- Hình thành và phát triển năng lực đặc thù:

+ Năng lực ngôn ngữ: kể được câu chuyện cho bạn bè, thầy cô nghe.

+ Năng lực văn học: Nhận xét được đặc điểm, tính cách của nhân vật trong câu chuyện, văn kể chuyện.

+ Phẩm chất: Biết bảo vệ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, ham học, có tinh thần tự học cao, có ý thức tự giác khi làm việc nhóm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết trong câu chuyện có nhân vật.

- Biết làm việc theo yêu cầu của GV, biết kể tên nhân vật trong truyện.

- Có ý thức tự giác, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: Giấy khổ to kẻ sẵn bảng (đủ dùng theo nhóm 4 HS), bút dạ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên truyện | Nhân vật là người | Nhân vật là vật  ( con người , đồ vật , cây cối ,…) |
|  |  |  |

Tranh minh hoạ câu chuyện trang 14, SGK.

2. HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (4’)**  \* Khởi động:  ? Thế nào là kể chuyện?  ? Bài văn kể chuyện khác bài văn không phải là văn kể chuyện ở những điểm nào ?  - GV nhận xét.  \* Kết nối: GV dẫn dắt vào bài học mới.  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới (14’)***:*  **\*Khám phá**  **a. Hoạt động 1: Nhận xét**  **\* Bài 1:** Gọi HS đọc yêu cầu  ? Các em vừa học những câu chuyện nào.  - Chia lớp thành các nhóm 6 HS, phát giấy và yêu cầu HS hoàn thành bài (5’)  - Gọi 2 nhóm dán phiếu lên bảng, các nhóm khác nhận xét, bổ sung để có lời giải đúng.  ? Nhân vật trong truyện có thể là ai ?  - Giảng bài: Các nhân vật trong truyện có thể là người hay các con vật, đồ vật, cây cối đã được nhân hóa. Để biết tính cách nhân vật đã được thể hiện như thế nào, các em cùng làm bài 2.  **\* Bài 2:** Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, nhận xét về tính cách của các nhân vật. (4’)  ? Em có nhận xét gì về nhân vật Dế Mèn trong truyện Dế mèn bênh vực kẻ yếu?  ? Nhờ đâu mà em biết tính cách của nhân vật ấy?  ? Em có nhận xét gì về mẹ con bà nông dân?  ? Nhờ đâu mà em biết tính cách của nhân vật ấy ?  *\* Kết luận:* Tính cách của nhân vật bộc lộ qua hành động, lời nói, suy nghĩ , … của nhân vật.  **b) Hoạt động 2: Ghi nhớ**  - Gọi HS đọc phần Ghi nhớ.  ? Hãy lấy ví dụ về tính cách của nhân vật trong những câu chuyện mà em đã được đọc hoặc nghe.  **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (16’):**  **\* Bài 1:**  **-** Gọi HS đọc nội dung bài.  ? Câu chuyện ba anh em có những nhân vật nào?  ? Nhìn vào tranh minh họa, em thấy ba anh em có gì khác nhau?  - Yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện và trả lời câu hỏi.  ? Bà nhận xét tính cách của từng cháu như thế nào? Dựa vào căn cứ nào mà bà nhận xét như vậy?  ? Theo em nhờ đâu bà có nhận xét như vậy ?  ? Em có đồng ý với những nhận xét của bà về tính cách của từng cháu không? Vì sao?  *\* Kết luận:*Hành động của các nhân vật đã bộc lộ tính cách của mình.  **\* Bài 2:**  -Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận về tình huống để trả lời câu hỏi:  ? Nếu là người biết quan tâm đến người khác, bạn nhỏ sẽ làm gì ?  ? Nếu là người không biết quan tâm đến người khác, bạn nhỏ sẽ làm gì ?  - Kết luận về hai hướng kể chuyện; Chia lớp thành hai nhóm và yêu cầu mỗi nhóm kể chuyện theo một hướng.  - Tổ chức cho HS thi kể chuyện  - Gọi HS nhận xét bạn kể chuyện.  - Nhận xét, tuyên dương HS kể chuyện tốt.  *\* Kết luận*: Nhận xét, đánh giá phần kể chuyện của học sinh  **4.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3’)**  ? Kể lại những việc em đã làm thể hiện sự quan tâm giúp đỡ người khác.  **\* Củng cố dặn dò (1’)**  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - 2 HS trả lời  - Lớp nhận xét  - 1 HS đọc y/cầu trong SGK.  - Câu chuyện: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu, Sự tích hồ Ba Bể.  - Làm việc trong nhóm.  - Dán phiếu, nhận xét, bổ sung.  - Nhân vật trong truyện có thể là người, con vật.  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc yêu cầu trong SGK.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận.  - HS tiếp nối nhau trả lời:  + Dế Mèn có tính cách: khảng khái, thương người, ghét áp bức bất công, sẵn sàng bênh vực kẻ yếu.  + Căn cứ vào hành động: “xòe cả hai càng ra”, “dắt Nhà Trò đi”; lời nói :“ em đừng sợ, hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu”’  + Mẹ con bà nông dân có lòng nhân hậu, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp hoạn nạn. Căn cứ vào việc làm: cho bà lão ăn xin ăn, ngủ trong nhà, hỏi bà cách giúp người bị nạn, chèo thuyền cứu giúp dân làng.  - Nhờ hành động, lời nói của nhân vật nói lên tính cách của nhân vật ấy.  - Lắng nghe  - 3, 4 HS đọc, lớp đọc thầm.  - HS lấy ví dụ:  + Nhân vật trong truyện Rùa và Thỏ là con vật có tính kiêu ngạo, coi thường người khác khi chế nhạo và thách đấu với rùa.  +Rùa là con vật khiêm tốn, kiên trì, bền bỉ khi trả lời và chạy thi với Thỏ.  - 2 HS đọc thành tiếng, lớp theo dõi.  - Câu chuyện có các nhân vật: Ni-ki-ta, Gô - ra, Chi- ôm - ca, bà ngoại.  - Ba anh em tuy giống nhau nhưng hành động sau bữa ăn lại rất khác nhau.  - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận  - HS tiếp nối nhau trả lời. Mỗi HS chỉ nói về 1 nhân vật.  + Ni - ki - ta ham chơi, không nghĩ đến người khác, ăn xong là chạy tót đi chơi.  + Gô - ra: hơi láu vì lén hắt những mẫu bánh vụn xuống đất.  + Chi - ôm - ca: thì biết giúp đỡ bà và nghĩ đến chim bồ câu nữa, nhặt mẫu bánh vụn cho chim ăn.  + Nhờ quan sát hành động của ba anh em mà bà đưa ra nhận xét như vậy.  + Em có đồng ý với những nhận xét của bà về tính cách của từng cháu. Vì qua việc làm của từng cháu đã bộc lộ tính cách của mình.  - Lắng nghe.  - 2 HS đọc yêu cầu SGK.  - HS thảo luận trong nhóm nhỏ và tiếp nối nhau phát biểu.  - Nếu là người biết quan tâm đến người khác, bạn nhỏ sẽ: chạy lại, nâng em bé dậy, phủi bụi và bẩn trên quần áo của em, xin lỗi em, dỗ em bé nín khóc, đưa em bé về lớp (hoặc về nhà), rủ em cùng chơi những trò chơi khác…  - Nếu là người biết quan tâm đến người khác, bạn nhỏ sẽ bỏ chạy để tiếp tục nô đùa, cứ vui chơi mà chẳng để ý gì đến em bé cả.  - Suy nghĩ và làm bài độc lập.  - 3 - 5 HS tham gia thi kể chuyện  - Nhận xét bạn kể chuyện  - Lắng nghe.  - HS nối tiếp kể.  - HS lắng nghe.  - Thực hiện ở nhà. | Lắng nghe.  Theo dõi  Khang đọc.  Làm việc theo nhóm cùng bạn.  Theo dõi.  Lắng nghe.  Giang đọc  Thực hiện yêu cầu.  Lắng nghe.  Khang, Giang nhắc lại.  Lắng nghe.  Đọc thầm.  Lắng nghe  Khang, Giang đọc.  Lắng nghe  Theo dõi  Nghe và hiểu.  Lắng nghe  Nêu ý kiến.  Lắng nghe.  Khang đọc  Lắng nghe bạn chia sẻ.  Theo dõi.  Thực hiện theo hướng dẫn.  Theo dõi bạn kể.  Lắng nghe.  Theo dõi bạn kể.  HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 5: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Tính được giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.

- Làm quen với công thức tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh a.

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực sau:

+ Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết là tính giá trị của biểu thức chứa chữ; nêu được cách làm bài, thực hiện và trình bày được bài làm của mình vào vở ô ly.

+ Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu các thông tin toán học có trong bài học. Nêu, trình bày được cách làm bài của mình cho Gv, bạn bè. Tự tin khi trả lời câu hỏi, thảo luận nội dung bài.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Tính được giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số đơn giản.

- Làm quen với công thức tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh a.

- Nghiêm túc, tự giác học tập.

\* Giảm tải: Bài tập 1 mỗi ý chỉ làm 1 trường hợp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi đầu bài các bài tập, 1 bông hoa, các biểu thức chứa 1 chữ và phần thưởng.

2. Học sinh: SGK, vở ô li.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu: 5’**  \* Khởi động: Trò chơi: Chuyền hoa.  - GV chuẩn bị một bông hoa, các biểu thức chứa một chữ và phần thưởng.  - Nêu luật chơi, cách chơi: Người quản trò sẽ bắt nhịp một bài hát, cả lớp sẽ cùng hát theo và cùng chuyền bông hoa đi.Khi bài hát kết thúc, học sinh nào cầm bông hoa trên tay thì sẽ tính nhanh giá trị của một biểu thức  ( VD: a + 80 với a = 15) Nếu tính đúng sẽ nhận được quà Nếu tính sai sẽ nhường quyền trả lời cho học sinh nào xung phong  - Tổ chức cho HS chơi  - Tổng kết trò chơi  - GV dẫn vào bài học  **2. Hoạt động luyện tập, thực hành ( 25’)**  **Bài 1***: Tính giá trị của biểu thức: 10’*  ? Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?  - GV treo bảng phụ  ? Đề bài yêu cầu chúng ta tính giá trị của biểu thức nào ?  ? Làm thế nào để tính được giá trị của biểu thức 6 x a với a = 5 ?  - GV yêu cầu HS tự làm các phần còn lại.  - GV chữa bài phần a, b và yêu cầu HS làm tiếp phần c, d  - GV nhận xét, củng cố cách tính giá trị của biểu thức.  **Bài 2***: Tính giá trị của biểu thức: 10’*  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành bài tập  - GV lưu ý HS các biểu thức trong bài có đến 2 dấu tính, có dấu ngoặc, vì thế sau khi thay chữ bằng số chúng ta chú ý thực hiện các phép tính cho đú  ng thứ tự.  - Gọi đại diện cặp đọc bài.  - Nhận xét, chữa bài bảng lớp  - Nhận xét, chốt bài  ? Muốn tính được giá trị của các biểu thức có chứa một chữ ta làm thế nào?  **Bài 4:** *Một hình vuông có độ dài cạnh là a... (10’)*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS nhắc lại cách tính chu vi hình vuông  ? Nếu hình vuông có cạnh là a thì chu vi là bao nhiêu ?  - Giới thiệu: Gọi chu vi của hình vuông là P.Ta có: P = a x 4  - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập  - Gọi HS đọc bài  - Nhận xét, chữa bài  ? Nêu cách tính chu vi hình vuông?  *\* Kết luận*: Chốt cách tính chu vi hình vuông  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  Trung bình mỗi tuần gia đình Mai chi hết 500 000 đồng tiền mua thịt, 240 000 đồng tiền mua cá, 75 000 tiền mua rau. Em hãy tính xem số tiền mua thức ăn của nhà Mai trong 1 tháng ( 4 tuần) là bao nhiêu ?  *\* Kết luận:* Nhận xét, tuyên dương hs có cách làm nhanh, chính xác.  **\*Củng cố dặn dò**  - GV nhận xét tiết học  - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe    - HS tham gia chơi  - Tính giá trị của biểu thức  - Quan sát.  - Tính giá trị của BT 6 x a.  - Thay số 5 vào chữ số a rồi thực hiện phép tính 6 x 5 = 30  - 2 HS lên bảng làm, lớp làm bài vào vở   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a =7 | 6 x a | 6 x 7 = 42 | | a = 50 | a +56 | 50 +56 = 106 | | b =2 | 18: b | 18 : 2 =9 | | b = 18 | 97 - b | 97 – 18 =75 |   - 1 HS nêu yêu cầu  - Thảo luận cặp đôi, hoàn thành bài  - HS nghe GV hướng dẫn, sau đó các cặp thảo luận làm bài  a) 35 + 3 x n = 35 + 3 x 7  = 35 + 21  = 56  b) 168 – m x 5 = 168 – 9 x 5  = 168 – 45  = 123  c) 237 –(66+x)= 237 –(66+34)  = 237 – 100  = 137  d) 37 x (18 :y) = 37 x (18 :9)  = 37 x 2  = 74  - Đại diện cặp đọc bài, lớp theo dõi nhận xét  - Ta chỉ việc thay chữ bằng số tương ứng và thực hiện tính giá trị của biểu thức.  - 1 HS đọc đề bài, lớp đọc thầm.  - Ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4  - Chu vi của hình vuông là a x 4  - HS đọc công thức tính chu vi của hình vuông.  - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở  a = 3cm, P = 3 x 4 = 12 (cm)  - HS đọc bài làm  - HS nêu  - Hs làm bài – chia sẻ bài làm.  - HS lắng nghe nhận xét.  - HS thực hiện ở nhà. | HS lắng nghe  HS tham gia chơi  Khang nêu  Quan sát.  Lắng nghe hướng dẫn.  Làm bài vào vở.  Lắng nghe.  Giang nêu  TL cặp đôi  Nghe hướng dẫn  Theo dõi  Lắng nghe  Lắng nghe  Nghe, ghi nhớ.  Khang, Giang nhắc lại.  Đọc thầm  Lắng nghe  Làm bài  Lắng nghe  Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Sinh hoạt + ATGT cho nụ cười trẻ thơ**

**A. SINH HOẠT TUẦN 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được những ưu nhược điểm của cá nhân cũng như của tập thể lớp trong tuần vừa qua.

- Biết tự nhận xét và sửa chữa, rút kinh nghiệm trong cá tuần tới.

- Giáo dục học sinh có tinh thần phê và tự phê cao

- Nâng cao tinh thần đoàn kết, có ý thức xây dựng tập thể lớp ngày càng vững mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Sổ theo dõi HS.

**2. Học sinh:** Sổ theo dõi của Tổ trưởng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC (NỘI DUNG SH )**

**1. Ổn định nề nếp**

- Cơ cấu cán bộ lớp:

+ Lớp trưởng: ……………………………............................................................

+ Lớp phó: ……………………………….............................................................

+ Lớp phó học tập + Lớp phó văn thể: ………………………..............................

+Tổ trưởng tổ 1: …………………………............................................................

+Tổ trưởng tổ 2 : …………………………...........................................................

+Tổ trưởng tổ 3 : …………………………..........................................................

+Tổ trưởng tổ 4 : …………………………...........................................................

**2. Nhận xét hoạt động tuần 1**

Nề nếp:...................................................................................................................

................................................................................................................................

Học tập:..................................................................................................................

................................................................................................................................

LĐVS:....................................................................................................................

................................................................................................................................

HĐNG:...................................................................................................................

................................................................................................................................

**3. Phương hướng tuần 2**

- Ổn định nề nếp đi học đúng giờ. Học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp.

- Soạn sách vở theo đóng thời khóa biểu.

- Thực hiện tốt xếp hàng ra vào lớp.

- Thưc hiện An toàn giao thông.

- Phát động phong trào thi đua học tốt.

- Phát huy những ưu điểm đã đạt được.

- Khắc phục những hạn chế.

**4. Sinh hoạt văn nghệ:**  Hát cá nhân, hát tập thể. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**B. An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ**

**Bài 5: NHỚ ĐỘI MŨ BẢO HIỂM NHÉ!**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Học sinh luôn nhớ đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi ngồi trên xe máy, xe đạp điện.

- HS có ý thức chấp hành việc đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp điện.

- HS chấp hành tốt Luật An toàn giao thông.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Học sinh luôn nhớ đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi ngồi trên xe máy, xe đạp.

- HS chấp hành tốt Luật An toàn giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-** Máy chiếu (tranh các tình huống bài học).

- Mũ bảo hiểm người lớn đạt tiêu chuẩn 03 cái; mũ bảo hiểm trẻ em đạt chuẩn 15 cái.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu ( 5’):** |  |  |
| \* Khởi động: Tổ chức trò chơi: nghe nhạc bài Chúng em với ATGT và chuyền hoa. | - Học sinh đứng tại chỗ và tham gia trò chơi | Tham gia TC. |
| - Cách chơi: Các em nghe nhạc và chuyền hoa, bài hát dừng - hoa dừng ở đâu thì bạn cầm hoa có cơ hội trả lời một câu hỏi do em tự chọn trên các cánh hoa. Trò chơi tiếp tục sau khi bạn đã trả lời xong, người cầm hoa thứ hai không được lựa chọn câu hỏi người trước đó đã trả lời. Các em đã rõ luật chơi chưa ? |  |  |
| + Nêu một số địa điểm vui chơi không an toàn ? | - Trên đường phố, trước cổng trường, trên vỉa hè, nơi ô tô dừng đỗ, gần đường sắt,... | Lắng nghe |
| + Khi đá bóng dưới lòng đường, em có thể gặp nguy hiểm gì ? | - Gây nguy hiểm cho bản thân và người tham gia giao thông (bị xe đâm, gây tai nạn cho người khác,...) | Lắng nghe  Ghi nhớ |
| - Nhận xét, bổ sung (nếu có) |  |  |
| ***-> GV: Các em cần vui chơi ở những nơi an toàn như sân chơi, công viên. Không chơi ở những nơi nguy hiểm như lòng đường, hè phố, gần đường sắt, bãi đỗ xe,...*** | |  |
| \* Kết nối:  - GV trình chiếu tranh (trang 9): *GV nói: Cô có 1 bức tranh, các em quan sát và trả lời câu hỏi sau:* | - HS quan sát tranh | Quan sát tranh |
| + Trong bức tranh những ai chưa đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy? (*Xin mời một em lên bảng chỉ)* | - Người lái xe máy số 3, 5, 9 và người ngồi sau xe số 4 không đội mũ bảo hiểm. | Theo dõi |
| + Nhận xét, bổ sung. |  |  |
| + GV chốt: Qua bức tranh đã có 3 người lớn và 01 trẻ em không đội muc bảo hiểm khi ngồi sau xe máy. Vậy theo em **những người không đội mũ** bảo hiểm khi tham gia giao thông có đảm bảo an toàn không? Vì sao?  ***- GV Chốt để vào bài mới:*** N*hững hâu quả khi bị tai nạn giao thông do không đội mũ bảo hiểm là rất quan trọng phải không nào? Và bài học ngày hôm nay cô muốn nhấn mạnh với các em rằng các em hãy: Nhớ đội mũ bảo hiểm nhé! GV mời cả lớp ghi bài (Khi HS ghi bài xong)*  *- GV chuyển ý: Các em ạ đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là rất quan trọng, vậy Mũ bảo hiểm có tác dụng gì? Chúng ra sẽ cùng đến hoạt động 1: Các em hãy cho cô biết tác dụng của mũ bảo hiểm?* | - Không an toàn vì khi bị tai nạn có thể bị thương ở phần đầu và có thể để lại di chứng nặng mất khả năng lao động hoặc tử vong. | Lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **\* Khám phá:**  **a*.* Hoạt động 1: Tác dụng của việc đội mũ bảo hiểm** | |  |
| - Hoạt động cả lớp |  |  |
| - Em hãy nêu tác dụng của việc đội mũ bảo hiểm?  *+ GV gọi học sinh trả lời: Tổ 1 trả lời ý 1,2; tổ 2 trả lời 3,….tổ 4 trả lời ý 5.*  *+GV khen ngợi: Các em đã phát hiện rất chính xác tác dụng của mũ bảo hiểm cô khen cả 4 bạn.* | - Bảo vệ đầu *không bị tổn thương khi va chạm*;  - Che nắng, mưa;  - Thực hiện đúng luật giao thông đường bộ;  - Bảo vệ sức khỏe;  - Bảo vệ tính mạng con người. | Nêu |
| - Chúng ta cần đội mũ bảo hiểm khi nào? | - Cần đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện. | Lắng nghe |
| ***->GV:*** *Các em ạ!*  ***+ Tại Khoản 2 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: chúng ta bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm khi điều khiển hoặc ngồi sau xe mô tô hai bánh, ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng cách.***  *+* ***Theo định nghĩa của Bách khoa toàn thư, mũ bảo hiểm là vật dụng nhằm bảo vệ phần đầu của người đội trong trường hợp không may xảy ra tai nạn khi ngồi trên xe máy, xe đạp. Như vậy nếu không có mũ bảo hiểm, khi xảy ra tai nạn, người tham gia giao thông có thể bị chấn thương sọ não, thương tật suốt đời hoặc thậm chí có thể tử vong. Vì thế, khi tham gia giao thông chúng ta cần đội mũ bảo hiểm để đảm bảo an toàn.*** | | Lắng nghe |
| *+ Vậy: Đội mũ bảo hiểm như thế nào là đúng quy cách để đảm bảo an toàn chúng ta cùng tìm hiểu tiếp.* | |  |
| **b. Hoạt động 2: Quy cách đội mũ bảo hiểm để đảm bảo an toàn** | |  |
| GV nói: *Cô biết rằng, ở nội dung này các em đã được làm quen ở các tiết trước rồi, tuy nhiên để các em nhớ lại và hiểu rõ hơn về quy cách đội mũ bảo hiểm an toàn.*  - Thảo luận nhóm 4 (thời gian 3 phút) |  |  |
| - Chia nhóm | - 4 nhóm | HĐ nhóm |
| - Giao nhiệm vụ: | - Học sinh thực hiện |  |
| + Thực hành đội mũ *(Đại diện 01 bạn trong nhóm)* |  |  |
| + Các thành viên trong nhóm quan sát - nêu các bước đội mũ bảo hiểm. | **- Bước 1: chọn mũ vừa với kích cỡ đầu của mình.** | Theo dõi |
| + Thư kí ghi lại các bước đội mũ.  - GV nói: *Các em đã rõ nhiệm vụ của mình chưa? (HS rồi ạ). Vậy 3 phút dành cho các em thảo luận bắt đầu!* | **- Bước 2: mở dây quai sang hai bên, đội mũ lên đầu sao cho vành dưới trước của mũ song song với chân mày. Phần đầu mũ cách chân mày khoảng 2 đốt ngón tay.** |  |
| - GV mời 01 nhóm xung phong trình bày. Gợi ý hs trả lời: *Thưa cô theo quan sát chúng em thấy các bước đội mũ bảo hiểm gồm:*  *+B1: Mở khóa dây đeo, đội mũ lên đầu, chỉnh mũ cho cân, trên long mày một đoạn*  *+B2: Em chỉnh dây đeo cho vừa cằm*  *+B3: Đóng khóa dây đeo*  - Gọi các nhóm bổ sung: Gợi ý  *+ Nhóm..: Bổ sung bước 1: Vành dưới trước mũ phải song song vói chân mày*  *+ Nhóm...: Bổ sung bước 3: Khi cài quai dây đeo không quá chặt và vẫn có dây đeo vào là được.* | **- Bước 3: Chỉnh khóa bên của dây quai mũ sao cho dây quai mũ nằm sát phía dưới tai.**  **- Bước 4: Cài khóa nằm phía dưới cằm và chỉnh quai mũ sao cho có thể nhét vừa hai ngón tay dưới cằm.** |  |
| - Các nhóm còn lại nhận xét bổ sung. |  | Lắng nghe |
| - GV trình chiếu các bước đội mũ bảo hiểm (**GV nói:** *Cô thấy các nhóm thảo luận tương đối chính xác các bước đội mũ BH rồi, sau đây cô mời các em quan sát, cô sẽ sắp xếp lại các bước đội mũ BH kết hợp thực hành cho các em cùng quan sát như sau*)  + B1: Chọn mũ bảo hiểm vừa đầu  + B2: Cố nhất trí với các em nhưng cô b/s phần đầu mũ phải cách lông mày khoảng 2 đốt ngón tay.  +B3: Cô nhất trí và bổ sung ta không chỉ chỉnh dây vừa cằm mà phải sát vào tai  +B4: Sau khi cài quai các em chỉnh quai mũ sao cho nhét vừa 2 ngón tay dưới cằm | - Quan sát | Quan sát |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **a. Thực hành đội mũ bảo hiểm:** |  |  |
| - Học sinh nhắc lại các bước đội mũ. Học lên thực hiện (4 học sinh) | - Học sinh thực hiện yêu cầu | Theo dõi |
| - HS quan sát nhận xét |  |  |
| - Học sinh cả lớp thực hành đội mũ bảo hiểm. | - Thực hành. | Thực hành |
| - GV nhận xét: *Theo quan sát cô thấy các em đã đội mũ đầy đủ 4 bước và điều chỉnh các bộ phận của mũ vừa theo kích cỡ đầu của mình, cô khen cả lớp mình nào.* |  |  |
| ***->GV: Chúng ta cần đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi đi xe máy, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện, xe đạp để đảm bảo an toàn.***  *Chúng ta xem các bạn khác thực hiện đúng chưa?* | |  |
| **b. Góc vui học** | |  |
| - GV trình chiếu tranh (trang 10)  - GT: Đây là bạn Bi và các hình ảnh đội mũ bảo hiểm bạn Bi đã thực hiện. | Quan sát | Quan sát |
| - Các em quan sát tranh: từ hình 1 đến hình 6 và cho cô biết: | - Học sinh thực hiện yêu cầu | Thực hiện |
| + Hình nào vẽ bạn Bi đội mũ bảo hiểm **chưa đúng** quy cách và an toàn? Vì sao?  - Nhận xét, bổ sung | - Hình 4 vẽ bạn Bi đội mũ bảo hiểm đúng quy cách. Vì bạn đội mũ vừa đầu, cài quai mũ vừa, đúng. |  |
| + Hình nào vẽ bạn Bi đội mũ bảo hiểm **đúng** quy cách và an toàn? Vì sao? | - Hình 1: Đội mũ sụp xuống mặt che tầm mắt | Lắng nghe |
| - Nhận xét, bổ sung | - Hình 2: Đội mũ lệch | Giang nêu |
|  | - Hình 3: Đội mũ nhưng không cài quai |  |
|  | - Hình 5: Đội mũ ngược | Khang nêu |
|  | - Hình 6: Không đội mũ mà cầm trên tay |  |
| ***-> GV: Để bảo vệ vùng đầu, giảm nguy cơ chấn thương sọ não khi xảy ra tai nạn, chúng ta cần đội mũ bảo hiểm và cài quai đúng quy cách khi ngồi trên xe máy, xe đạp.*** | |  |
| *- Làm thế nào để có thể chọn mũ bảo hiểm đủ tiêu chuẩn chất lượng chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo.* | |  |
| **d. Hoạt động 4: Cách chọn mũ bảo hiểm đủ tiêu chuẩn chất lượng** | |  |
| - GV cho học sinh xem video - 1 phút (cùng là mũ bảo hiểm sau khi va chạm một cái vỡ, một cái còn nguyên vẹn). Sau khi xem xong video GV hỏi: | - Học sinh thực hiện yêu cầu | Theo dõi |
| - Vì sao khi cùng va chạm một lực một mũ bảo hiểm nguyên vẹn, một mũ vỡ? | - Mũ bảo hiểm chất lượng tốt, bền và đảm bảo.  - Mũ bảo hiểm không bền, chất lượng kém, không tốt và rẻ tiền. |  |
| - Theo em mũ bảo hiểm như thế nào là đủ tiêu chuẩn chất lượng? Gợi ý học sinh trả lời:  + Tổ 1: Theo em mũ bảo hiểm đạt chuẩn là phải có dây đeo, khi đội che hết được phần đầu  + Tổ 2: Khi bị va đập không bị vỡ  + Tổ 3: Được chứng nhận đảm bảo chất lượng  *- GV nói: Để hiểu rõ hơn sau đây cô mới các em xem đọn video sau:*  - Xem video 5 loại mũ đạt tiêu chuẩn*. (Hết video GV trình chiếu các chon mũ bảo hiểm dạt chuẩn)*  - Hs đọc lại tiêu chuẩn | **- Có cấu tạo đủ 3 bộ phận: vỏ mũ, đêm hấp thụ xung động bên trong vỏ mũ (đệm bảo vệ) và quai đeo.**  **- Có kiểu dáng đáp ứng yêu cầu sau:**  **+ Mũ che nửa đầu;**  **+ Mũ che cả đầu và tai;**  **+ Mũ che cả đầu, tai và hàm.**  **- Có tem hợp quy chuẩn kĩ thuật quốc gia của Việt Nam (tem hợp quy CR).**  - Lắng nghe. | Giang nhắc lại |
| **\* Liên hệ:** |  |  |
| - Cô mời cả lớp lấy mũ bảo hiểm của minh, quan sát, kiểm tra và cho cô biết mũ bảo hiểm của em có kiểu dáng như thế nào? Và có đủ tiêu chuẩn về chất lượng không? Vì sao? | - Học sinh thực hiện yêu cầu | Khang thực hiện |
| - HS trả lời | - Học sinh báo cáo kết quả | Theo dõi |
| ***-> GV:*** *Các em ạ! Tiêu chuẩn về mũ bảo hiểm đẫ được quy định tại:* |  |  |
| ***+ Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BKHCN-BCT-BCA-BGTVT quy định về sản xuất, nhaaph khẩu, kinh doanh và sử dụng mũ bảo hiểm cho người đi xe mô tô, xe gắn máy , xe đạp máy***  ***+ Các em đã thực hiện đội mũ bảo hiểm đầy đủ khi tham gia giao thông song mũ bảo hiểm của một số bạn chưa đạt tiêu chuẩn, các em cần đề nghị bố mẹ mua mũ bảo hiểm đạt chuẩn và thay ngay để bảo vệ vùng đầu. Em hãy nhắc nhở bạn bè người thân cùng thực hiện.***  ***+ Nếu mũ bảo hiểm đã bị va đập một lần do tai nạn thì cần bỏ và thay thế mũ khác.*** | |  |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** |  |  |
| Qua bài học cá em đã biết: |  |  |
| 1. Mũ bảo hiểm có tác dụng gì ? |  |  |
| 2. Ta cần đội mũ bảo hiểm khi nào? |  |  |
| 3. Chọn và đội mũ bảo hiểm như thế nào là đúng quy cách? |  |  |
| - GV trình chiếu, ghi nhớ. |  |  |
| - Học sinh đọc | - Nhận xét, bổ sung |  |
| **\* Củng cố, dặn dò ( 4’)**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc HS về nhà chia sẻ với người thân cách đội mũ bảo hiểm an toàn và vận động, nhắc nhở mọi người cùng đội mũ bảo hiểm khi đi xe.Thực hiện mua, đội mũ bảo hiểm đúng quy định để bảo vệ chính mình và hãy là tuyên truyền viên tích cực đối với người thân và bạn bè. Về nhà các em tìm hiểu cách ngồi trên xe máy, xe đạp an toàn. | - Lắng nghe, ghi nhớ.  - Thực hiện ở nhà. | Lắng nghe  Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử**

**TIẾT 1**: **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con người Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.

- HS nắm được hình dáng, vị trí của đất nước ta. Nắm được trên đất nước ta có nhiều dân tộc sinh sống, có chung một lịch sử, một Tổ quốc. Nắm được một số yêu cầu khi học môn Lịch sử - Địa lí.

- Hình thành năng lực, phẩm chất :

+ Năng lực ngôn ngữ: Biết giới thiệu Bản đồ hành chính Việt Nam và dựa vào bản đồ giới thiệu về vị trí, dân cư đất nước ta.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận cùng bạn để tìm hiểu về nét văn hóa sinh hoạt của các dân tộc Việt Nam.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết trả lời câu hỏi tìm hiểu về vị trí, dân cư đất nước ta; Tìm hiểu về nét văn hóa sinh hoạt của các dân tộc Việt Nam; Các sự kiện tiêu biểu về lịch sử dựng nước và giữ nước từ đó rút ra được vai trò của môn Lịch sử và Địa lí.

+ Phẩm chất: Giáo dục HS tình yêu quê hương, đất nước, tự hào truyền thống dân tộc, tính chăm chỉ học tập.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con người Việt Nam.

- Chăm chỉ, chịu khó học tập.

**\* Giáo dục quốc phòng và an ninh:** Giới thiệu Bản đồ hành chính Việt Nam và khẳng định hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam. (HĐ 1)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Bản đồ hành chính VN; tranh ảnh.

2. Học sinh: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’):**  \* Khởi động: Cho HS xem video ngắn về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Nam.  \* Kết nối: Giáo viên giới thiệu môn học, dẫn vào bài mới.  **2. Hoạt động khám phá(27’):**  **a)** **Hoạt động 1**: **Vị trí, dân cư đất nước ta (8’)**  - GV giới thiệu vị trí của đất nước ta các cư dân ở mỗi vùng (dựa và bản đồ)  - Gọi HS trình bày lại (vị trí, dân cư)  - GV nhận xét.  - Yêu cầu HS xác định trên bản đồ hành chính VN vị trí tỉnh mà em đang sống.  ? Hãy đọc tên hai quần đảo lớn của nước ta trên bản đồ hành chính Việt Nam? Hai quần đảo trên thuộc tỉnh thành nào của nước ta?  **\* Giáo dục quốc phòng và an ninh:** GV chỉ lại hai quần đảo trên bản đồ, khẳng định đây là hai quần đảo của nước ta.  \* Kết luận: GV chốt kiến thức và chuyển hoạt động.  **b) Hoạt động 2**: **Tìm hiểu về nét văn hóa sinh hoạt của các dân tộc Việt Nam (6’)**  - GV phát cho mỗi nhóm 1tranh, ảnh về cảnh sinh hoạt của một dân tộc nào đó ở một vùng, yêu cầu HS tìm hiểu và mô tả bức tranh hoặc ảnh đó.  \* Kết luận : Mỗi dân tộc sống trên đất nước VN có nét văn hoá riêng song đều có cùng một Tổ Quốc, một lịch sử VN.  **c) Hoạt động 3**: **Các sự kiện tiêu biểu về lịch sử dựng nước và giữ nước (5’)**  - GV đặt vấn đề : Để Tổ quốc ta tươi đẹp như ngày hôm nay, ông cha ta đã trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Em nào có thể kể được một sự kiện chứng minh điều đó ?  \* Kết luận: GV chốt kiến thức  **d) Hoạt động 4: Vai trò của môn Lịch sử và Địa lí (8’)**  - GV hướng dẫn cách học, các em cần tập quan sát sự vật, hiện tượng, thu thập tìm kiếm tài liệu lịch sử, địa lí, mạnh dạn nêu thắc mắc đặt câu hỏi tìm câu trả lời.  ? Vậy môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 giúp các em hiểu biết gì ?  *\* Kết luận*: GV chốt kiến thức  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3’):**  ? Để học tốt môn Lịch sử - Địa lí cần làm gì ?  *\* Kết luận*: Cần quan sát sự vật, hiện tượng, thu thập thông tin.  \* Củng cố dặn dò:  - Nhận xét tiết học,  - Dặn dò nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | - HS xem video  - HS lắng nghe.  - HS quan sát bản đồ và lắng nghe.  - Vị trí: VN có phần đất liền, các hải đảo, vùng biển, hìmh chữ S, phía bắc giáp với Trung Quốc ….  - Dân cư có 54 dân tộc.  - 2,3HS lên xác định (tỉnh Quảng Ninh )  + Quần đảo Hoàng Sa thuộc TP Đà Nẵng, quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.  - HS quan sát, ghi nhớ.  - HS lắng nghe.  - Lớp chia thành 4 nhóm, thảo luận theo nội dung GV yêu cầu.  - Các nhóm làm việc sau đó trình bày trước lớp.  - Lắng nghe  - HS nối tiếp phát biểu ý kiến, chẳng hạn:  + Khởi nghĩa Hai Bà Trưng  + Sự kiện Ngô Quyền chống quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng và chiến thắng.  + Cách mạng tháng Tám năm 1945.  + Cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước...  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe hướng dẫn.  + Môn Lịch sử và Địa lí 4 giúp em hiểu về thiên nhiên và con người Việt Nam biết những công lao to lớn của ông cha ta trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Từ đó các em thêm yêu quý thiên nhiên, con người và Tổ quốc ta  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS nêu: Để học tốt môn Lịch sử - Địa lí cần quan sát sự vật, hiện tượng, thu thập thông tin.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe và thực hiện ở nhà. | HS xem video  HS lắng nghe.  Quan sát  Theo dõi  Lắng nghe  Khang, Giang nhắc lại.  HS quan sát, ghi nhớ.  TLN cùng bạn.  Lắng nghe  HS theo dõi  HS lắng nghe hướng dẫn.  Nghe và hiểu.  HS lắng nghe, ghi nhớ.  Lắng nghe và thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Mĩ thuật**

**BÀI 1. VẼ TRANG TRÍ MÀU SẮC VÀ CÁCH PHA MÀU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- HS biết cách pha màu nhị hợp như màu: Da cam, tím, xanh lá cây….

- HS nhận biết được các cặp màu bổ túc và các màu nóng, lạnh.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học; Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm; Biết sử dụng công cụ, họa phẩm thực hành tạo lên sản phẩm; Thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề phát triển năng lực ngôn ngữ; Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

- Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và các tác phẩm mĩ thuật; Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu ... phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập; Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình; Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết cách pha màu.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: SGK, Vở tập vẽ 4, màu sáp, bột màu, bút vẽ và bảng pha màu.

Hình giới thiệu 3 màu cơ bản(màu gốc) và hình hướng dẫn cách pha màu.

**2. Học sinh**: Giấy vẽ, bút chì, tẩy, màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu: 5’**  **\* Khởi động**  - Tổ chức cho HS khởi động bằng trò chơi “ Ai nhanh - ai khéo ”  - GV mời lớp trưởng báo cáo việc chuẩn bị đồ dùng học tập của lớp.  **\* Kết nối:** GV giới thiệu nội dung bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới ( 12’)**  **\* Khám phá:**  **Hoạt động 1: Quan sát, nhận biết (6’)**  - GV cho HS quan sát H2 ,H3 ở SGK và giải thích cách pha màu.  - GV giới thiệu các cặp màu bổ túc.  \* GV tóm tắt: Từ 3 màu cơ bản ta pha trộn 2 màu khác nhau tạo ra màu thứ 3.  - GV cho HS xem gam màu nóng, lạnh và cho HS tìm 1 số màu lạnh? | - HS tham gia chơi.  - Lớp trưởng báo cáo việc chuẩn bị đồ dùng học tập của lớp.  - Lắng nghe.  - HS quan sát tranh và trả lời:  + Màu tím, da cam, nâu…  + Vàng + Đỏ = da cam  - Gam nóng: Đỏ, nâu, vàng, da cam...  - Gam lạnh: Xanh lá cây, xanh lam…  - Màu lạnh gây cảm giác mát….. | Tham gia  Lắng nghe  Quan sát  Lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Cách pha màu (6’)** | |  |
| -Treo tranh vẽ lên bảng hướng dẫn HS pha màu.  - GV yêu cầu HS làm bài tập. | -HS quan sát:  A?nh004  +HS nhận ra các màu đã g.thiệu như màu xanh lam, tím, da cam…  +HS tập pha các màu ở giấy nháp. | Quan sát  Lắng nghe  Tập pha màu |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (18’):** | |  |
| + GV hướng dẫn HS chọn các gam màu nóng, lạnh để tô màu.  - GV theo dõi hướng dẫn HS làm bài. | + HS làm bài vào vở tập vẽ.  + làm bài cá nhân.  - Thực hành tại lớp. | Vẽ vào vở. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’):** | |  |
| - Yêu cầu HS quan sát màu sắc trong thiên nhiên và gọi tên màu.  - GV cùng HS chọn ra một số bài và gợi ý để HS nhận xét-xếp loại.  - Khen ngợi, động viên những HS, nhóm HS chọn, pha màu đúng.  **\* Củng cố, dặn dò** (1’)  - Nhận xét chung tiết học, nhắc HS về nhà hoàn thành bài vẽ.  - Quan sát hoa, lá và chuẩn bị một số hoa, lá thật cho bài học sau. | - HS quan sát, gọi tên.  - HS nhận xét về mức độ đậm, nhạt của bài vẽ.  - Lắng nghe thực hiện ở nhà. | Quan sát  Theo dõi  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................